



ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN LÀO CAI

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 5300 208 618, cấp lần đầu ngày 18 tháng 09 năm 2002, thay đổi lần thứ 10 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Lào Cai cấp ngày 11 tháng 05 năm 2012)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày . . . tháng . . . năm)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

1. Công ty cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai (LCM)

Địa chỉ: Số nhà 045, đường Phan Đình Phùng, phường Phố Mới, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

2. Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam

Trụ sở : Tầng 3, 59 Quang Trung, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Chi nhánh : Số 9, Nguyễn Công Trứ, Q1, Tp. Hồ Chí Minh

3. Phụ trách công bố thông tin của CTCP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai

Họ tên: Ông Phạm Bá Huy

Chức vụ: Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Điện thoại: 020.3830036

Fax: 020.3830036



CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN LÀO CAI

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 5300 208 618, cấp lần đầu ngày 18 tháng 09 năm 2002, thay đổi lần thứ 10 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Lào Cai cấp ngày 11 tháng 05 năm 2012)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu CTCP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai

Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần

Giá bán : 10.000 đồng/cổ phần

Tổng số lượng chào bán (cho cổ đông hiện hữu) : 12.852.000 cổ phần

Tổng giá trị chào bán : 128.520.000.000 đồng

❖ TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN KRESTON ACA VIỆT NAM

Địa chỉ : P1504, Tòa nhà 17T7, Trung Hòa Nhân Chính, Hà Nội

ĐT : (84)-(04) 2811488 Fax : (84)-(04) 2811499

❖ TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Trụ sở: Tầng 3, số 59 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3 944 5888

Fax: (84-4) 3 944 5889

Chi nhánh: Số 9, Nguyễn Công Trứ, Q1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 3930 2320

Fax: (08) 3930 2325

Website: <http://www.vise.com.vn>

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	5
1. Rủi ro về kinh tế	5
2. Rủi ro về luật pháp.....	6
3. Các rủi ro đặc thù.....	6
4. Rủi ro của đợt chào bán và phương án xử lý khi không thu đủ số tiền như dự kiến từ đợt phát hành.....	7
5. Rủi ro pha loãng cổ phiếu.....	8
6. Rủi ro của việc sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành	10
7. Các rủi ro khác	10
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	10
1. Tổ chức niêm yết: CTCP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai	10
2. Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng Khoán Quốc Tế Việt Nam.....	11
III. CÁC TỪ VIẾT TẮT	11
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	11
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	11
2. Cơ cấu tổ chức công ty	14
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty	15
4. Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ, danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty, cơ cấu cổ đông tính đến 06/04/2012	18
5. Danh sách những Công ty mẹ, công ty con của LCM, những Công ty mà LCM đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với LCM	19
6. Hoạt động kinh doanh.....	19
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm gần nhất.....	33
8. Vị thế của Công ty đối với các Doanh nghiệp cùng ngành	35
9. Chính sách đối với người lao động.....	37
10. Chính sách cổ tức	38
11. Tình hình hoạt động tài chính.....	39
12. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban giám đốc, Kế toán.....	43
13. Tài sản	52



14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức của Công ty từ năm 2012 và căn cứ để đạt được kế hoạch	53
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	54
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành	55
17. Các thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán	55
V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN	55
1. Loại chứng khoán : Cổ phiếu phổ thông	55
2. Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu	55
3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán : 12.852.000 cổ phiếu	55
4. Giá cổ phiếu chào bán : 10.000 đồng/cổ phiếu	55
5. Phương pháp tính giá	55
6. Phương thức phân phối	56
7. Thời gian phân phối cổ phiếu	56
8. Đăng ký mua cổ phiếu	56
9. Phương thức thực hiện quyền	57
10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	58
11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng	58
12. Các loại thuế có liên quan	58
13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa cổ phiếu	59
VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	59
VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	59
VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	60
1. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN	60
2. TỔ CHỨC TƯ VẤN	60
IX. PHỤ LỤC	61

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Rủi ro tăng trưởng kinh tế

Theo Tổng cục Thống kê Việt Nam, năm 2011, GDP cả nước tăng xấp xỉ 5,89% so với cùng kỳ năm trước trong đó khu vực nông lâm nghiệp thủy sản tăng 4%, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 5,32%, khu vực dịch vụ tăng 6,99%. Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2011 thấp hơn mức 6,78% của năm 2010, tuy nhiên trong điều kiện sản xuất kinh doanh khó khăn, cả nước tập trung ưu tiên kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô thì mức tăng trưởng trên là tương đối khả quan. Tốc độ tăng GDP 6 tháng đầu năm 2012 ước đạt 4,38%, đây là mức tăng trưởng thấp phản ánh những khó khăn chung của nền kinh tế như mức lãi suất huy động cao, thâm hụt cán cân thương mại, xuất khẩu giảm đặc biệt đối với các ngành mũi nhọn, tín dụng đồng đô la chiếm tỷ lệ cao, lượng doanh nghiệp giải thể phá sản không ngừng gia tăng. Trong tình huống khó khăn của nền kinh tế, Nhà nước đã ban hành chính sách kích thích nền kinh tế đặc biệt là hỗ trợ cho các doanh nghiệp thuộc các ngành sản xuất, hỗ trợ xuất khẩu như giảm lãi suất huy động, hỗ trợ chênh lệch lãi suất, giãn thuế, miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, ... với hi vọng có thể vực dậy được khối doanh nghiệp vừa và nhỏ vốn đang lâm vào tình trạng khó khăn do việc thắt chặt tín dụng và nhu cầu tiêu thụ hàng hóa giảm sút.

Là một ngành sản xuất cung cấp chủ yếu cho các ngành công nghiệp khác, ngành khai khoáng chịu ảnh hưởng nhiều từ những biến động tăng hoặc giảm của tốc độ phát triển kinh tế trên nhiều quy mô khác nhau. Đối với Công ty cổ phần khai thác và chế biến Khoáng sản Lào Cai, các sản phẩm đều được tiêu thụ trong nước và xuất khẩu nên bất kỳ sự biến động nào của tình hình kinh tế trong nước cũng ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Rủi ro lạm phát

Trong những năm qua chỉ số lạm phát luôn ở mức cao, đặc biệt năm 2011 tỷ lệ lạm phát tăng lên đến 18,58% gây nhiều ảnh hưởng tiêu cực đến toàn bộ nền kinh tế. Đối với các doanh nghiệp lạm phát tăng cao đẩy chi phí đầu vào tăng ảnh hưởng đáng kể đến lợi nhuận của doanh nghiệp so với cùng kỳ năm trước. Tính đến hết tháng 6-2012 CPI tăng 2,52% so với tháng 12- 2011 và tăng 6,9% so với cùng kỳ năm 2011. Trong số 11 nhóm hàng tính chỉ số giá, có 5 nhóm hàng có chỉ số giá giảm trong đó nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống có mức giảm 0,23%. Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng có mức chỉ số giá giảm mạnh 1,21%. Trong những tháng tiếp theo mục tiêu đẩy mạnh sản xuất, xuất khẩu kiềm chế lạm phát vẫn là ưu tiên hàng đầu của nền kinh tế Việt Nam.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất xảy ra khi doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng vốn vay từ ngân hàng thương mại dẫn đến chi phí đi vay tăng cao ảnh hưởng đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Trong những năm qua lãi suất trên thị trường biến động không ngừng với nhiều những chính sách được ban hành

như thắt chặt chính sách tiền tệ, áp trần lãi suất, hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp đã ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Mặc dù LCM hoạt động chủ yếu dựa vào nguồn vốn chủ sở hữu không phụ thuộc vào vốn vay, nhưng trong năm vừa qua Công ty thu được lợi nhuận tài chính khá lớn từ các khoản hợp đồng tiền gửi tiết kiệm ở các ngân hàng thương mại, vì vậy sự biến động về lãi suất sẽ ảnh hưởng ít nhiều đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

2. Rủi ro về luật pháp

Là Doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh nên hoạt động của Công ty tuân theo các văn bản pháp luật của Công ty Cổ phần, hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán, bao gồm: Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Quy chế giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và các văn bản hướng dẫn thi hành... Mặc dù, trong nhiều năm qua, hệ thống luật pháp Việt Nam liên tục được hoàn thiện, song tính ổn định chưa cao, vẫn còn nhiều các quy định pháp luật đang trong giai đoạn hoàn thiện.

Bên cạnh đó Công ty hoạt động trong ngành khai thác khoáng sản vốn là ngành đặc thù và chịu những quy định của Nhà nước liên quan đến hoạt động của ngành khai thác khoáng sản.

Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn chú trọng nghiên cứu, nắm bắt các quy định mới của pháp luật, theo sát đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước... từ đó xây dựng chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh đúng pháp luật và phù hợp với từng thời kỳ.

3. Các rủi ro đặc thù

Rủi ro chính sách của Nhà nước đối với hoạt động khai khoáng

Chính sách Nhà nước có ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động của ngành khai khoáng, theo Luật khoáng sản mới được thông qua tháng 12/2010 và bắt đầu có hiệu lực từ 01/07/2011 có nhiều điểm mới ảnh hưởng đến hoạt động của các doanh nghiệp khoáng sản. Theo Luật khoáng sản, cơ chế quản lý sẽ thắt chặt hơn đối với các doanh nghiệp khai thác khoáng sản, đặc biệt là các điều kiện được cấp mỏ mới, trách nhiệm của doanh nghiệp khai thác mỏ đối với địa phương nơi khai thác trong việc đầu tư, xây dựng hạ tầng, các công trình phúc lợi, bảo vệ môi trường, ... Những quy định này nhằm nâng cao trách nhiệm của các doanh nghiệp hoạt động trong ngành khai khoáng đối với Nhà nước và xã hội, sẽ làm gia tăng chi phí đầu tư cho doanh nghiệp, tuy nhiên cũng là điều kiện để chọn lọc ra những doanh nghiệp hoạt động hiệu quả, chuyên nghiệp.

Rủi ro khai thác

Do đặc điểm của ngành nghề, hoạt động sản xuất kinh doanh chịu ảnh hưởng rất lớn vào các điều kiện tự nhiên nằm ngoài khả năng kiểm soát của Công ty. Mặc dù Công ty đã tiến hành nghiên cứu khảo sát đánh giá về địa chất, chất lượng khoáng nhằm giảm thiểu rủi ro trong quá trình khai thác, tuy nhiên cũng không thể tránh khỏi những biến động bất thường về địa chất, chất lượng khoáng sản... cũng như những tiềm ẩn về trữ lượng, hàm lượng khai thác. Mặt khác, vì nguồn tài nguyên thiên nhiên là có hạn, nên Công ty phải khai thác ngày càng xuống sâu và

xa hơn, làm cung độ vận chuyển và hệ số bóc tách tăng.

Là một doanh nghiệp có kinh nghiệm trong ngành, Công ty đã lường trước được tất cả những khó khăn này. Vì vậy, song song với việc khai thác tối đa các mỏ hiện có, Công ty cũng không ngừng hiện đại dây chuyền khai thác và chế biến cũng như tìm kiếm các nguồn mỏ mới.

Rủi ro do chi phí sản xuất tăng

Chi phí phục vụ hoạt động khai thác và chế biến trong thời gian qua cũng tăng đáng kể như: giá xăng dầu, giá điện, thép...tăng đã đẩy chi phí sản xuất tăng theo. Ngoài ra vấn đề bảo vệ môi trường và xử lý chất thải sau khai thác là một thách thức không nhỏ đối với Công ty. Sức ép về sự gia tăng của các khoản phí, phí tài nguyên môi trường, phí xử lý chất thải, tiền thuê đất, phí khai thác tận thu khoáng sản... ngày càng cao cũng làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Rủi ro về giấy phép khai thác mỏ

Thời hạn khai thác các mỏ của Công ty phụ thuộc vào chính sách quản lý và khai thác khoáng sản của Nhà nước trong từng thời kỳ. Ngoài ra, nếu hoạt động khai thác mỏ của Công ty không đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật bắt buộc cũng có thể sẽ không được gia hạn giấy phép khai thác hoặc bị rút giấy phép trước thời hạn. Rủi ro về việc bị rút hoặc không gia hạn giấy phép khai thác mỏ từ phía Công ty về mặt thực tế là không nhiều do năng lực và chất lượng kỹ thuật khai thác của Công ty hoàn toàn đáp ứng được các yêu cầu chuyên môn. Rủi ro từ các chính sách của Nhà nước về thời hạn cấp phép khai thác mỏ là một rủi ro cần được tính đến trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Rủi ro về an toàn lao động

Do đặc thù của Công ty là khai thác mỏ nên vấn đề an toàn lao động luôn được quan tâm. Công ty đã thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn lao động như: mua bảo hiểm, trang bị các công cụ dụng cụ đảm bảo an toàn trong quá trình lao động, hướng dẫn người lao động thực hiện các biện pháp an toàn... nên rủi ro này được giảm thiểu tối đa.

Rủi ro từ phía Công ty

Do tình trạng tranh chấp và khai thác tự do tài nguyên khoáng sản vẫn tiếp diễn trên các địa bàn mà Công ty có các mỏ thuộc chủ quyền khai thác hoặc các mỏ đang được phép thăm dò, khảo sát đã đặt ra những khó khăn và rủi ro cho Công ty trong vấn đề quản lý nguồn tài nguyên thuộc chủ quyền. Ngoài ra, việc khai thác tận thu tràn lan nguồn tài nguyên của nhiều cá nhân, tổ chức trên địa bàn gây ảnh hưởng lớn đến công tác quy hoạch khai thác và sản xuất của Công ty.

4. Rủi ro của đợt chào bán và phương án xử lý khi không thu đủ số tiền như dự kiến từ đợt phát hành

Tổng số cổ phiếu của đợt phát hành là 12.852.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với số vốn dự kiến huy động là 128.520.000.000 đồng. Để đưa ra quyết định huy động số vốn trên Công ty đã cân nhắc kỹ đến các yếu tố có thể ảnh hưởng đến thành công của cuộc phát hành như tín hiệu lạc quan về sự phục hồi của nền kinh tế, các chính sách tích cực của nhà nước nhằm hỗ trợ các

doanh nghiệp, tình hình thị trường chứng khoán năm 2012 đã có nhiều khởi sắc, cũng như mức giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phiếu hợp lý so với mức giá giao dịch trên sàn của cổ phiếu LCM.

Bên cạnh việc đưa ra những điều kiện phù hợp cho phương án phát hành, ban lãnh đạo Công ty có phương án dự phòng cho trường hợp không thu đủ số tiền dự kiến từ đợt phát hành bằng cách sử dụng một phần vốn lưu động của Công ty, huy động vốn vay thương mại, các khoản vay từ các ngân hàng thương mại hoặc các đối tác chiến lược khác tùy thuộc vào điều kiện thị trường và đảm bảo được lợi ích tối đa cho Công ty.

5. Rủi ro pha loãng cổ phiếu

Công ty dự kiến phát hành thêm 12.852.000 cổ phiếu khiến cho tỷ lệ số cổ phiếu phát hành thêm bằng 150% tổng số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty. Việc phát hành thêm một khối lượng cổ phiếu không nhỏ này sẽ dẫn đến việc điều chỉnh giảm của giá cổ phần do tác động pha loãng. Rủi ro pha loãng này sẽ giảm đi nếu Công ty sử dụng số tiền huy động được từ đợt chào bán một cách hiệu quả nhất.

Pha loãng giá:

Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu có thể xảy ra khi LCM phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ với mức giá ưu đãi (thấp hơn thị giá đang giao dịch trên thị trường của cổ phiếu LCM đang lưu hành), số lượng cổ phần và số người sở hữu chứng khoán tăng thêm sẽ dẫn đến hiện tượng pha loãng giá cổ phiếu. Việc pha loãng giá cổ phiếu được biểu hiện dưới các tác động như sau:

Giá cổ phiếu của LCM tại ngày giao dịch không hưởng quyền được điều chỉnh theo công thức:

$$P_{tc} = \frac{(PR_{t-1} \times \text{Số lượng CP đang lưu hành}) + (PR \times \text{Số lượng CP phát hành thêm})}{\text{Số lượng CP lưu hành} + \text{Số lượng CP phát hành thêm}}$$

Trong đó:

- P_{tc} : là giá tham chiếu cổ phần cần xác định trong ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phần trong đợt phát hành thêm để tăng vốn điều lệ, đây là mức giá cần xác định;
- PR_{t-1} : là giá chứng khoán trên thị trường trước ngày giao dịch không hưởng quyền;
- PR : là giá phát hành

Ví dụ: Giả sử giá cổ phiếu LCM vào ngày liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền là 30.000 đồng/cổ phần (PR_{t-1}). Tổng số cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu là 12.852.000 cổ phần với mức giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phần (PR), số cổ phần hiện hữu đang lưu hành là 8.568.000 cổ phần. Vậy mức giá tham chiếu của cổ phiếu LCM ngày giao dịch không hưởng quyền là:

$$P_{tc} = \frac{(30.000 \times 8.568.000) + (10.000 \times 12.852.000)}{8.568.000 + 12.852.000} = 18.000 \text{ đồng/cổ phần}$$

Pha loãng tỷ lệ sở hữu:

Căn cứ Nghị quyết Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 15/NQ/2012 ngày 25 tháng 04 năm 2012 LCM sẽ thực hiện tăng vốn điều lệ thông qua việc phát hành cho cổ đông hiện hữu với tỉ lệ 1:1,5.

Giả sử cổ đông A đang nắm giữ $Q_t = 10.000$ cổ phần của LCM

Tổng số cổ phần của LCM hiện tại là $Q_o = 8.568.000$ cổ phần.

Khi đó tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông A trước khi phát hành (TLSH1) là:

$$TLSH1 = Q_t \cdot 100 / Q_o = 10.000 \cdot 100 / 8.568.000 = 0,12\%$$

Sau khi LCM thực hiện phương án phát hành, với giả định cổ đông A tham gia mua đủ số cổ phần được mua, khi đó số cổ phần của cổ đông A nắm giữ là: $Q_s = 25.000$ cổ phần.

Tổng số cổ phần của LCM, với giả định LCM phát hành thành công 12.852.000 cổ phần khi đó sẽ là: $Q = 21.420.000$ cổ phần.

Lúc này tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông A sau khi phát hành là:

$$TLSH2 = Q_s \cdot 100 / Q = 25.000 \cdot 100 / 21.420.000 = 0,12\%$$

Như vậy, tỉ lệ sở hữu của cổ đông A không đổi trước và sau đợt phát hành do Công ty chỉ thực hiện phát hành cho cổ đông hiện hữu.

Trong trường hợp cổ đông không đăng ký mua hoặc không mua hết số lượng cổ phần được quyền mua, tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông sau khi phát hành thêm sẽ bị giảm đi.

Pha loãng EPS:

Việc phát hành thêm cổ phần sẽ làm số lượng cổ phần tăng lên so với hiện tại. Điều này có thể làm suy giảm chỉ số thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS), giá trị sổ sách, giá cổ phiếu sẽ được điều chỉnh cụ thể như sau :

Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần:

$$EPS = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế - cổ tức ưu đãi (nếu có)}}{\text{Số lượng cổ phần đang lưu hành bình quân}}$$

Thu nhập trên mỗi cổ phần dự kiến của năm 2012 (trường hợp không phát hành thêm cổ phần):

Lợi nhuận sau thuế dự kiến của năm 2012 của LCM là 88.000.000.000 đồng.

$$EPS = \frac{88.000.000.000}{8.568.000} = 10.270 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

Thu nhập trên mỗi cổ phần dự kiến 2012 (trường hợp phát hành thêm cổ phần):

Cổ phiếu lưu hành	Số lượng (cổ phần)	Thời gian
Cổ phiếu lưu hành trước phát hành	8.568.000	8 tháng từ 01/01/2012 – 31/08/2012
Cổ phiếu lưu hành sau phát hành	21.420.000	4 tháng từ 01/09/2012 – 31/12/2012
Cổ phiếu lưu hành bình quân	12.852.000	



$$\text{EPS} = \frac{88.000.000.000}{12.852.000} = 6.847 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

Ghi chú : Chúng tôi giả sử là đợt phát hành này sẽ thành công vào ngày 31/08/2012, số lượng cổ phiếu lưu hành sau phát hành có thể thay đổi tùy thuộc vào số lượng đăng ký thực hiện quyền mua cổ phần của Nhà đầu tư

Mức EPS trên được tính trên cơ sở lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2012 (Theo kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông năm 2012 ngày 25/04/2012 của Công ty)

Trong trường hợp LCM không tiến hành phát hành thêm cổ phần thì số cổ phần bình quân năm 2012 vẫn là 8.568.000 cổ phần.

Như vậy, nếu đợt phát hành thành công thì chỉ số thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) sẽ bị suy giảm từ 10.270 đồng/cổ phần xuống còn 6.847 đồng/cổ phần.

Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS) có thể suy giảm do thu nhập được chia cho số lượng cổ phần lớn hơn. Tuy nhiên điều này còn phụ thuộc vào hiệu quả sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành, nếu Công ty sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành mang lại tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu bằng hoặc lớn so với tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu trước khi phát hành thì rủi ro làm giảm EPS là không xảy ra.

Các trường hợp có thể xảy ra của rủi ro do pha loãng cổ phiếu có thể không xảy ra đồng thời và không có mối quan hệ trực tiếp với nhau, tuy nhiên đây cũng là một trong những nhân tố ảnh hưởng đến quyền lợi của nhà đầu tư. Do vậy Công ty lập kế hoạch để sử dụng hiệu quả khoản vốn huy động được từ đợt phát hành thêm cổ phần để giảm thiểu rủi ro cho các nhà đầu tư.

6. Rủi ro của việc sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành

Theo phương án phát hành, số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ được đầu tư vào mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và tăng vốn lưu động cho Công ty, trong đó Công ty dự kiến đầu tư vào các mỏ Công ty đang khai thác và góp vốn với đối tác chiến lược có quan hệ làm ăn lâu dài đảm bảo được năng suất và chất lượng sản phẩm đầu ra. Tuy nhiên có thể có những tác nhân khách quan không lường trước được ảnh hưởng đến quá trình đầu tư, hợp tác sản xuất kinh doanh của Công ty gây rủi ro cho việc sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành.

7. Các rủi ro khác

Ngoài những rủi ro trên Công ty còn có thể gặp phải những rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty như lũ lụt, hạn hán, cháy, nổ,... Công ty đã luôn áp dụng những tiêu chuẩn kỹ thuật sản xuất nghiêm ngặt, nên những rủi ro này rất ít khi xảy ra và gần như không có khả năng ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết: CTCP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai

 Ông: **BÙI ĐỨC THANH**

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT



- ✚ Ông: **PHẠM BÁ HUY** Chức vụ: Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
✚ Bà: **NGUYỄN THỊ HOA** Chức vụ: Kế Toán Trưởng
✚ Bà: **NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG** Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm Soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng Khoán Quốc Tế Việt Nam

- ✚ Ông: **NGUYỄN ANH TUẤN** Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
(Theo giấy ủy quyền số 01A/2012/UQ-CTHĐQT ngày 19/01/2012)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng do Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai (LCM). Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do LCM cung cấp.

III. CÁC TỪ VIẾT TẮT

- Công ty : Công ty cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai
- LCM : Công ty cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai
- HĐQT : Hội đồng Quản trị
- BCTC : Báo cáo tài chính
- CBCNV : Cán bộ công nhân viên
- CTCP : Công ty Cổ phần

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Giới thiệu về công ty

- Tên giao dịch tiếng việt : Công ty cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai
- Tên giao dịch tiếng Anh : Lao Cai Mineral exploitation & processing joint stock company
- Tên Công ty viết tắt : LAOCAI JSC

- Logo công ty : 
- Vốn điều lệ : 85.680.000.000 đồng (Tám mươi lăm tỷ, sáu trăm tám mươi triệu đồng).
- Trụ sở chính : Số nhà 45, đường Phan Đình Phùng, phường Phố Mới, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.
- Điện thoại : 0203.830.036 Fax : 0203.830.036

- Website : www.khoangsanlaocai.com.vn
- Ngành nghề kinh doanh :
 - ✓ Khai thác, chế biến, kinh doanh quặng kim loại đen, kim loại màu;
 - ✓ Mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế;
 - ✓ Tư vấn hỗ trợ các hoạt động khai thác khoáng sản;
 - ✓ Mua bán, sản xuất vật liệu xây dựng;
 - ✓ Mua bán, xuất nhập khẩu dầu thô, than và các sản phẩm của chúng;
 - ✓ Mua bán hóa chất, vật tư, phân bón phục vụ công, nông nghiệp;
 - ✓ Kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng nông sản, lâm sản, thủy hải sản.

- Các sản phẩm, dịch vụ của Công ty:

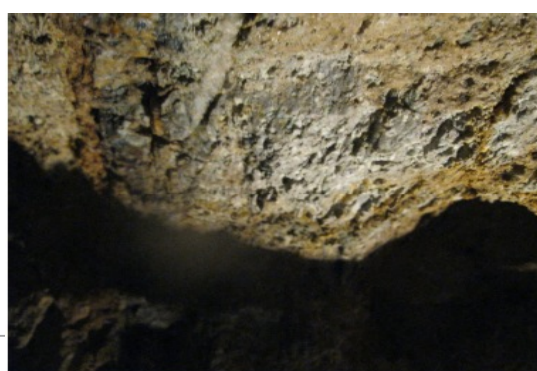
- ✓ Khai thác và chế biến các sản phẩm quặng chì kẽm

Một số hình ảnh về công trường thi công chế biến quặng chì kẽm tại mỏ chì kẽm Bản Mế, huyện Si Ma Cai:



- ✓ Khai thác và chế biến vàng

Một số hình ảnh khai thác vàng tại mỏ vàng Pắc Ta, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu





1.2 Lịch sử hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai tiền thân là Công ty TNHH Gia Long được thành lập ngày 18 tháng 09 năm 2002 với số đăng ký kinh doanh là 12 02 000 192, Công ty TNHH Gia Long sau 06 lần thay đổi đăng ký doanh (lần cuối vào ngày 09 tháng 12 năm 2010), đã đổi tên thành Công ty cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai vào ngày 04 tháng 01 năm 2011. Trong quá trình hoạt động và phát triển của mình, Công ty luôn hoàn thành xuất sắc các nghĩa vụ của mình đối với nhà nước.

Ngày 16/09/2011, Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu LCM.

1.3 Quá trình tăng vốn

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ (đồng)
Tháng 9/2002	2.000.000.000
Tháng 2/2010	80.000.000.000*
Tháng 12/2010	85.680.000.000**

* Công ty nhận khoản vốn góp 78.000.000.000 đồng từ ông Bùi Đức Thanh bằng tiền và tài sản (khoản vốn góp bằng chi phí thực hiện các mỏ là 44.906.251.000 đồng đã được định giá theo Chứng thư thẩm định giá số 598-11/BC-ĐG/ĐG-VAE do Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE) cung cấp, khoản tiền mặt là 32.935.450.000 đồng và khoản tiền còn dư của ông Bùi Đức Thanh tại khoản mục Vốn đầu tư của Chủ sở hữu là 158.299.000 đồng).

** Công ty nhận khoản vốn góp 5.680.000.000 đồng từ ông Bùi Đức Thanh bằng tiền và tài sản bao gồm

- Giá trị công trình xây dựng 690.000.000 đồng và máy móc thiết bị qua sử dụng trị giá 4.456.000.000 đồng. Công trình xây dựng trên đất và máy móc thiết bị góp vốn này đã

được Công ty TNHH Kiểm toán và Định Giá Việt Nam định giá theo chứng thư số 598-11/BC-ĐG/ĐG-VAE và đã có biên bản bàn giao với Công ty.

- Khoản tiền mặt trị giá 528.000.000 đồng đã có biên bản bàn giao với Công ty.

Các khoản góp vốn này đều được thực hiện khi Công ty hoạt động dưới hình thức TNHH, từ khi chuyển đổi sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần, Công ty chưa có đợt tiến hành tăng vốn nào.

2. Cơ cấu tổ chức công ty



✚ Trụ sở chính : Số nhà 045, Đường Phan Đình Phùng, phường Phố mới, Tp. Lào Cai

✚ Các đơn vị trực thuộc: Công ty có 04 đơn vị trực thuộc như sau:

- Nhà máy khai thác và chế biến chì kẽm Bản Mế

Địa chỉ: thôn Na Pả 2 và Sín Chải 2, xã Bản Mế, huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai

Công ty được phép khai thác quặng chì kẽm tại xã Bản Mế (theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 417/GP-UBND ngày 23/02/2011 của UBND tỉnh Lào Cai) và được chấp thuận dự án đầu tư xây dựng công trình *Xưởng tuyển quặng chì, kẽm Bản Mế, huyện Si Ma Cai* (theo quyết định số 538/QĐ.CT của Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai). Nội dung của dự án đầu tư như sau:

- + Đầu tư xây dựng mới Xưởng tuyển chì, kẽm với công suất 2000 tấn tinh quặng/năm.
- + Xưởng sản xuất diện tích: 1.800m², kết cấu nhà khung thép chịu lực, tường xây gạch, chất vữa xi măng mác 50#, trong tường ốp thêm một lớp bông thủy tinh cách nhiệt, nền đổ bê tông mác 150, mái lợp tôn Đông Anh dày 0,37 ly xà gồ U150, vì kèo thép.
- + Nhà làm việc diện tích: 205m², nhà xây mái bằng đổ bê tông, lợp tôn chống nóng, nền lát gạch hoa.
- + Nhà ở công nhân viên diện tích: 480m²; nhà bếp, nhà ăn diện tích 100m², nhà xây cấp 4,

vì kèo thép, xà gồ gỗ, mái lợp tôn, nền đổ bê tông.

+ Các hạng mục phụ trợ khác: Vườn hoa cây cảnh, sân, đường nội bộ, bãi để xe, rãnh thoát nước, cấp điện, cấp nước...

- **Xí nghiệp khai thác và chế biến vàng Pắc Ta**

Địa chỉ: Xã Pắc Ta, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu

Chức năng chính: Khai thác và chế biến quặng vàng tại công trường.

- **Xí nghiệp khai thác chì kẽm Suối Thầu**

Địa chỉ: Xã Bản Xen, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai

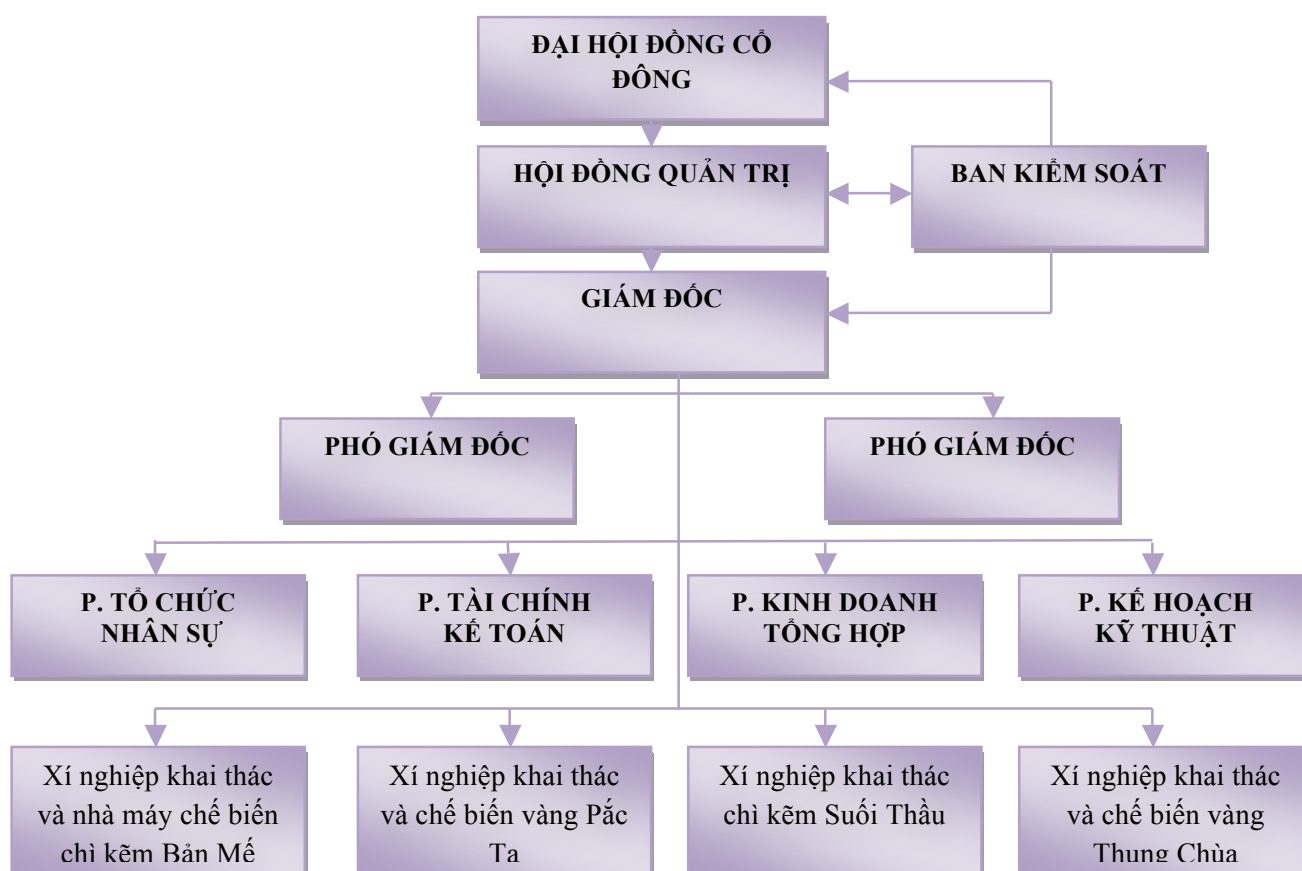
Chức năng chính: Khai thác chì, kẽm để sử dụng làm nguồn nguyên liệu để đảm bảo cho hoạt động của xưởng tuyển quặng chì, kẽm mà Công ty đầu tư tại xã Bản Mế, huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai.

- **Xí nghiệp khai thác và chế biến vàng Thung Chùa.**

Địa chỉ: Thung Chùa, xã Bắc Sơn, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình

Chức năng chính: Khai thác và chế biến quặng vàng tại công trường

3. **Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty**



3.1 Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm họp một lần.

3.2 Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị do Đại hội cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Hiện tại Hội đồng Quản trị Công ty có 05 (năm) thành viên; nhiệm kỳ là 05 (năm) năm.

- | | |
|---------------------------------|-----------------|
| 1. Ông: Bùi Đức Thanh | : Chủ tịch HĐQT |
| 2. Bà: Lưu Thị Thanh Mai | : Ủy viên HĐQT |
| 3. Ông: Vũ Anh Tuấn | : Ủy viên HĐQT |
| 4. Ông: Phạm Bá Huy | : Ủy viên HĐQT |
| 5. Ông: Nguyễn Khắc Kim | : Ủy viên HĐQT |

3.3 Ban Giám đốc

Ban Giám đốc do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những chiến lược, kế hoạch đã được Hội đồng Quản trị Công ty và Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

Ban Giám đốc của Công ty hiện tại có 02 người trong đó có 1 Tổng Giám đốc và 01 Phó Giám đốc, cụ thể như sau:

- | | |
|------------------------------|-----------------|
| 1. Ông: Phạm Bá Huy | : Tổng Giám đốc |
| 2. Ông: Ngô Trường An | : Phó Giám đốc |

3.4 Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát Công ty do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty. Hiện tại Ban Kiểm soát có 03 thành viên; nhiệm kỳ là 05 năm, cụ thể:

- | | |
|------------------------------------|--------------|
| 1. Bà: Nguyễn Thị Mai Hương | : Trưởng ban |
| 2. Ông: Nguyễn Hữu Việt | : Thành viên |
| 3. Ông: Lê Văn Nam | : Thành viên |

3.5 Kế toán trưởng

Kế toán trưởng Công ty do Hội đồng Quản trị Công ty bổ nhiệm và miễn nhiệm; chịu trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê, hạch toán kinh tế và công tác tài chính của Công ty; thực hiện các công việc theo ủy quyền của Hội đồng quản trị Công ty.

Bà: **Nguyễn Thị Hoa** : Kế Toán Trưởng

3.6 Các phòng ban nghiệp vụ

Phòng Tổ chức Nhân sự: hoạt động theo sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Ban Giám đốc Công ty với các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy Công ty, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề cho CBCNV; thực hiện chính sách, chế độ tiền lương và các chế độ khác đối với người lao động; quản lý, điều hành công tác hành chính của Công ty.
- Xây dựng nội quy, quy chế, quy định quản lý nội bộ trong Công ty.
- Tham mưu cho Giám đốc việc bố trí, sắp xếp lao động các phòng ban, chi nhánh và xí nghiệp của Công ty cho phù hợp với tính chất công việc phù hợp với luật lao động được nhà nước ban hành.
- Quản lý, lưu trữ hồ sơ của cán bộ công nhân viên, giải quyết những vấn đề phát sinh về quyền lợi cũng như chính sách của người lao động trong quá khứ và hiện tại.

Phòng Tài chính - Kế toán: có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Tổng hợp, ghi chép lại các số liệu, tình hình tài chính của Công ty; báo cáo trực tiếp lên Ban giám đốc; thông qua tình hình tài chính giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ, thực hiện tốt các yêu cầu kiểm toán, thanh tra tài chính của các cấp có thẩm quyền.
- Phản ánh chính xác, trung thực, đầy đủ, kịp thời, rõ ràng và dễ hiểu toàn diện các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trên nguyên tắc kế toán độc lập về nghiệp vụ.
- Đề xuất những biện pháp điều chỉnh, xử lý kịp thời những sai lệch trong hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính.
- Phân tích tình hình tài chính trong khai thác mỏ, tham mưu những biện pháp cho kế hoạch tài chính của Ban giám đốc.

Phòng Kinh doanh Tổng hợp: có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Tổ chức xây dựng các kế hoạch kinh doanh và tham mưu cho Hội đồng Quản Trị cũng như Ban Giám đốc định hướng phát triển trong trung và dài hạn của Công ty. Trên cơ sở kế hoạch kinh doanh của từng phòng ban, từng đơn vị, phòng sẽ lập kế hoạch kinh doanh tổng thể trong từng quý, từng năm để trình Ban Giám đốc xem xét phê duyệt.

Phòng Kế hoạch kỹ thuật: có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Xây dựng kế hoạch đầu tư sửa chữa máy móc, thiết bị tại các nhà máy, các xí nghiệp phục vụ cho việc sản xuất kinh doanh và khai thác mỏ tại các xí nghiệp của công ty. Cố vấn cho Ban giám đốc kế hoạch đầu tư máy móc thiết bị mới.
- Quản lý toàn bộ xưởng sửa chữa, thiết bị máy móc hiện có của Công ty.

- Lập kế hoạch và cung cấp vật tư theo tiến độ thực tế tại các nhà máy, công trường của Công ty.

4. Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ, danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty, cơ cấu cổ đông tính đến 06/04/2012

4.1 Danh sách cổ đông sáng lập tại thời điểm góp vốn

Theo Giấy đăng ký kinh doanh lần đầu cấp ngày 18/9/2002 của LCM, Công ty không có cổ đông sáng lập.

4.2 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 06/04/2012

STT	Tên cổ đông	CMND	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ
				(cổ phần)	
1	Bùi Đức Thanh	012750826 cấp 25/03/2005 tại CA Hà Nội	165 Đường Cầu Giấy, Dịch Vọng, Tp. Hà Nội	1.500.000	17,5%
2	Lưu Thị Thanh Mai	013083214	165 Đường Cầu Giấy, Dịch Vọng, Tp. Hà Nội	800.000	9,3%
Tổng Cộng				2.300.000	26,8%

(Nguồn: Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam)

4.3 Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 06/04/2012

STT	Cơ cấu	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông là cá nhân	8.497.750	100%
1.1	Cá nhân trong nước	8.488.750	100%
1.2	Cá nhân nước ngoài	9.000	0%
2	Cổ đông là tổ chức	0	
2.1	Tổ chức trong nước	70.250	0
2.2	Tổ chức nước ngoài	0	0
Tổng cộng		8.568.000	100%

(Nguồn: Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam)

5. Danh sách những Công ty mẹ, công ty con của LCM, những Công ty mà LCM đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với LCM

5.1 Danh sách công ty mẹ và công ty nắm quyền kiểm soát, chi phối đối với LCM

Không có

5.2 Danh sách công ty con, những công ty do LCM nắm quyền kiểm soát, chi phối, hoặc góp vốn liên doanh liên kết

LCM có 01 công ty liên kết với một số cá nhân là: **Công ty TNHH Gia Long Hòa Bình**

Vốn điều lệ: 50 tỷ đồng, trong đó LCM chiếm 49% điều lệ.

Địa chỉ: Xóm Tân Lập, xã Tân Vinh, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Giấy CNĐKKD số 5400332506 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp lần đầu ngày 20/11/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 26/10/2011.

Hoạt động kinh doanh chính:

- ✓ Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- ✓ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- ✓ Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- ✓ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- ✓ Khai thác quặng sắt;
- ✓ Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- ✓ Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1 Giá trị sản phẩm, dịch vụ qua các năm

Các sản phẩm chính của LCM là từ hoạt động khai khoáng, bao gồm: quặng chì kẽm, quặng vàng và đá xây dựng.

*** Quặng chì kẽm:**



- Vị trí mỏ khai thác:

- ✓ Thôn Na Pá 2 và thôn Sín Chải 2, xã Bản Mế, huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai
- ✓ Suối Thầu, xã Bản Xen, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai

- ✓ Sản phẩm sau khai thác và chế biến: Quặng chì kẽm và sản phẩm tinh quặng chì kẽm
- ✓ Thị trường tiêu thụ: Cung cấp làm nguyên liệu đầu vào cho ngành công nghiệp sản xuất bột kẽm oxyt, điện phân luyện kẽm kim loại và chì kim loại và một số ngành khác.

*** Quặng vàng:**



- Vị trí mỏ khai thác:

- ✓ Tại tỉnh Hòa Bình: Khu I thuộc xã Cao Răm, huyện Lương Sơn có diện tích 19,28 ha; Khu II thuộc xã Bắc Sơn, huyện Kim Bôi (14 ha) và xã Cao Răm, huyện Lương Sơn (16 ha), tổng cộng là 49,28 ha.
- ✓ Tại tỉnh Lai Châu: Xã Pắc Ta, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu.
- ✓ Sản phẩm sau khai thác và chế biến: Quặng vàng và sản phẩm vàng tinh luyện 99,9%
- ✓ Thị trường tiêu thụ: Sản phẩm vàng của Công ty được tiêu thụ tại thị trường trong nước, bán cho các công ty vàng bạc trên địa bàn các tỉnh

*** Sản phẩm đá xây dựng**



- Vị trí mỏ khai thác: Tại các mỏ mà Công ty tiến hành thi công khai thác quặng chì kẽm và quặng vàng (đá xây dựng tận thu).

- Thị trường tiêu thụ: Trên địa bàn tỉnh và các tỉnh lân cận, phục vụ cho việc xây dựng các công trình dân dụng và hạ tầng.

Ngoài những sản phẩm chính ở trên, Công ty còn kinh doanh sản phẩm tinh quặng đồng, đồng phế liệu. LCM mua tinh quặng đồng và đồng phế liệu dạng dây ép bánh từ các nước Philippin, Lào, Ma Rốc, Australia bán sang các nước bao gồm Hàn Quốc, Nhật bản và Trung Quốc.

**Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty giai đoạn 2010 – Quý 2/2012**

Đơn vị tính: Triệu đồng

DT thuần từ các nhóm sản phẩm, dịch vụ	2010		2011			6T/2012	
	Giá trị	% DTT	Giá trị	% ± so với 2010	% trong DTT	Giá trị	% trong DTT
Quặng và tinh quặng chì kẽm	750	11,34%	4.500	500,00%	10,10%	2.454	4%
Quặng vàng và vàng tinh luyện	2.318	35,05%	11.947	415,40%	26,80%	-	-
Đá xây dựng	2.182	32,99%	4.536	107,98%	10,18%	1.901	3%
Doanh thu từ dịch vụ hỗ trợ khai thác khoáng sản	1.364	20,62%	23.594	1.629,77%	52,93%	28.200	50%
Cho thuê sử dụng mỏ	-	-	-	-	-	24.000	43%
Tổng DT thuần	6.614	100%	44.574	573,98%	100%	56.555	100%

(Nguồn: LCM)

Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty giai đoạn 2010 – Quý 2/2012

Đơn vị tính: Triệu đồng

Lợi nhuận gộp từ các nhóm sản phẩm, dịch vụ	2010		2011			6T/2012	
	Giá trị	% LNG	Giá trị	% ± so với 2010	% LNG	Giá trị	% LNG
Quặng và tinh quặng chì kẽm	377	10,05%	2.700	616,18%	10,10%	1.670	5%
Quặng vàng và vàng tinh luyện	1.577	42,05%	7.500	375,59%	28,04%	-	-
Đá xây dựng	1.310	34,93%	3.960	202,29%	14,81%	1.306	4%
Lợi nhuận từ dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ	486	12,96%	12.585	2.489,51%	47,06%	10.276	31%
Cho thuê sử dụng mỏ	-	-	-	-	-	20.007	60%
Tổng Lợi nhuận gộp	3.750	100%	26.745	613,20%	100%	33.259	100%

(Nguồn: LCM)

Năm 2011 đánh dấu bước phát triển mạnh trong hoạt động sản xuất kinh doanh của LCM so với năm 2010, doanh số cũng như lợi nhuận gộp của các mặt hàng đều có tốc độ tăng ấn tượng như: mặt hàng quặng, tinh quặng chì kẽm tăng có doanh thu tăng 500%, lợi nhuận gộp tăng 616,18%. Quặng vàng và vàng tinh luyện có doanh thu tăng 415,4% và lợi nhuận gộp tăng 375,59%. Tăng đáng kể nhất là nhóm sản phẩm dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ (tư vấn thiết kế mỏ, đào bóc tách quặng vàng, quặng đồng, xây đường vào mỏ) với tốc độ tăng doanh thu tới 1.629,77% và lợi

nhuận gộp tới 2.489,51%. Nhóm mặt hàng đá xây dựng có tốc độ tăng thấp hơn so với các nhóm còn lại, tuy nhiên cũng đã gấp đôi doanh thu và gấp 3 lợi nhuận gộp của nhóm này năm 2010.

Sự tăng mạnh về giá trị của nhóm sản phẩm dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ trong năm 2011 đã tạo nên sự thay đổi đáng kể trong cơ cấu doanh thu, lợi nhuận. Nhóm này từ chiếm 20,62% doanh thu thuần và 12,96% lợi nhuận gộp năm 2010 tăng lên lần lượt 52,93% và 47,06% năm 2011. Tỷ trọng 2 nhóm quặng vàng và vàng tinh luyện, đá xây dựng từ việc chiếm tổng cộng 68,04% doanh thu thuần và 76,98% lợi nhuận gộp năm 2010 giảm đi lần lượt còn 36,98% và 42,85% năm 2011. Riêng tỷ trọng nhóm quặng và tinh quặng chì kẽm không có nhiều biến động trong giai đoạn 2010-2011 với cơ cấu doanh thu thuần và lợi nhuận gộp đều chiếm khoảng 10%-11% mỗi năm.

Trong 6 tháng đầu năm 2012, tổng doanh thu cũng như lợi nhuận gộp của LCM tiếp tục có sự gia tăng mạnh mẽ, lần lượt có giá trị bằng 127% và 124% so với cả năm 2011. Trong đó dịch vụ cho thuê sử dụng mỏ là chiếm ưu thế nhất (chiếm 43% doanh thu thuần và 60% lợi nhuận gộp), đây là do LCM đang tiến hành hợp tác với Công ty Cổ phần Khoáng sản và Môi trường Đại Việt để khai thác mỏ chì kẽm tại Suối Thầu, xã Bản Xen, huyện Mường Khương tỉnh Lào Cai, theo đó LCM cho Công ty Cổ phần Khoáng sản và Môi trường Đại Việt thuê mỏ chì kẽm cùng với máy móc thiết bị có liên quan đến mỏ để khai thác và bán sản phẩm kể từ ngày 10/01/2012 đến 07/11/2016. Riêng nhóm mặt hàng quặng và tinh quặng vàng 6 tháng đầu năm chưa phát sinh doanh thu do Công ty đang tập trung đầu tư cải tiến thiết bị cho nhà máy tuyển vàng công suất thiết kế 500 tấn quặng/ngày tại Xóm Ngọc Lâm, xã Cao Răm, Lương Sơn, Hòa Bình. Khu vực Cao Răm, Lương Sơn Hòa Bình được đánh giá là một trong những khu vực có trữ lượng quặng vàng lớn với trữ lượng sơ bộ bước đầu có thể xác định lên tới 2 triệu tấn, hàm lượng vàng khai thác đạt khoảng 6-12g/m³. Nhà máy tuyển vàng tại Hòa Bình của LCM dự kiến sẽ được đưa vào vận hành vào cuối năm 2012. Sau tinh chế, chiết xuất, vàng thành phẩm có hàm lượng Au là 99,99%. Trường hợp nhà máy đi vào hoạt động theo đúng tiến độ và hiệu quả, nhóm vàng - vàng tinh luyện sẽ đóng góp đáng kể vào doanh thu và lợi nhuận của LCM trong cả năm 2012.

6.2 Nguyên vật liệu và các yếu tố đầu vào

Nguồn nguyên nhiên vật liệu

Nguyên nhiên vật liệu đầu vào phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh bao gồm:

- Quặng nguyên khai chì, kẽm...
- Quặng vàng, vàng sa khoáng...
- Đá xây dựng các loại...
- Các thiết bị khai thác như: Máy xúc, dàn nghiền tuyển, xe Ben, máy khoan thủy lực, búa đập, máy bơm áp lực cao,...
- Các thiết bị phục vụ xây dựng, vận chuyển như: Xe tải các loại, máy xúc, máy ủi, máy san gạt, lu tĩnh, lu rung,...

- Thuộc nổ công nghiệp
- Các thiết bị điện, nước phục vụ khai thác, xây dựng và chế biến khoáng sản như dây điện, ống nhựa, trạm biến áp...
- Nhiên liệu xăng, dầu, than: Chiếm khoảng 15% trên tổng phí sản xuất của Công ty. Nguồn nhiên liệu được cung cấp chủ yếu cho các thiết bị thi công, khai thác mỏ tại các xưởng, nhà máy, các phương tiện vận chuyển như xe Ben, xe tải,...

 Sự ổn định của các nguồn cung cấp này

Đối với nguồn nguyên liệu khoáng sản, hiện nay, LCM đang được cấp phép khai thác các mỏ sau:

✓ **Mỏ quặng chì kẽm tại xã Bản Mế, huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai**

- Mỏ quặng chì kẽm tại Bản Mế, huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai được Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc UBND tỉnh Lào Cai cấp Giấy phép khai thác số 3051/QĐ-UBND cho Công ty TNHH Gia Long ngày 24 tháng 10 năm 2006 có thời hạn khai thác trong 04 năm. Ngày 24 tháng 01 năm 2010, căn cứ theo Công văn xin gia hạn Giấy phép khai thác mỏ của Công ty TNHH Gia Long, Sở tài nguyên Môi trường tỉnh Lào Cai có tờ trình đồng ý cho gia hạn giấy phép khai thác mỏ, đến ngày 23 tháng 02 năm 2011 Công ty nhận được Giấy phép gia hạn số 417/GP-UBND của UBND tỉnh Lào Cai cho phép gia hạn thời gian khai thác đến hết tháng 10/2013.
- Diện tích khai thác 09 ha.
- Công suất khai thác dự tính: 10.000 m³/ năm
- Tinh quặng chì: Pb, hàm lượng Pb $\geq$ 50%, đủ tiêu chuẩn xuất khẩu sang Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, khu vực EU; và tiêu thụ thị trường trong nước.
- Tinh quặng kẽm: Zn, hàm lượng Zn $\geq$ 50%, đủ tiêu chuẩn xuất khẩu ra thị trường Quốc tế và tiêu thụ thị trường trong nước.
- Tiềm năng tài nguyên mỏ chì kẽm Bản Mế: Quặng chì kẽm phân bố trong các đá lục nguyên Cacbonat thuộc hệ tầng Chang pung tuổi Cambri. Chiều rộng đới 200 – 250m, dài trên 3km. Kết quả công tác tìm kiếm của Liên đoàn địa chất Intergeo đã phát hiện được 5 thân quặng, các thân quặng có chiều dài 150 – 380m, dày 0,5 – 5m. Khoáng vật quặng gồm galenit, sphalerit. Hàm lượng chì Pb: 0.6 – 6%, Zn: 4 – 12,5%. Tài nguyên dự báo khoảng 134.000 tấn chì kẽm kim loại.
- Trung bình Quặng nguyên khai khai thác được có hàm lượng: Pb + Zn: 5-10%
- Với tiềm năng trữ lượng nêu trên, trữ lượng mỏ Bản Mế đủ cung cấp nguyên liệu cho nhà máy trong vòng 7- 10 năm tới.

✓ **Mỏ quặng chì kẽm tại Suối Thầu, xã Bản Sen, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai**

- Mỏ quặng chì kẽm tại Suối Thầu, xã Bản Sen, huyện Mường Khương tỉnh Lào Cai được cấp Giấy phép khai thác số 3206/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2006 của Sở Tài nguyên và

Môi trường tỉnh Lào Cai với thời hạn 10 năm kể từ ngày cấp phép.

- Diện tích khu vực khai thác: 13,2 ha
- Công suất khai thác dự tính: 10.000 tấn/năm
- Thời hạn khai thác: Đến ngày 07 tháng 11 năm 2016, khi hết hiệu lực giấy phép Công ty sẽ tiếp tục xin gia hạn.
- Tiềm năng khoáng sản chì kẽm mỏ Suối thầu: Quặng chì kẽm phân bố trong các đá lục nguyên Cacbonat thuộc hệ tầng Chang pung tuổi Cambri. Kết quả công tác tìm kiếm của Liên đoàn địa chất Intergeo đã phát hiện được 6 thân quặng, mỗi thân dày trung bình: 0.5 – 1.5 m, có chiều dài: 50 – 240 m. Hàm lượng Pb: 1.5 – 10.6%, Zn: 4,6 -31%. Tài nguyên dự báo toàn mỏ Suối Thầu có khoảng 135.000 tấn kim loại chì kẽm.
- Trung bình Quặng nguyên khai khai thác được có hàm lượng: 20-30%
- Hiện tại LCM đang tiến hành hợp tác với Công ty Cổ phần Khoáng sản và Môi trường Đại Việt để khai thác mỏ chì kẽm này, theo đó LCM bàn giao mỏ chì kẽm Suối Thầu, xã Bản Xen, huyện Mường Khương tỉnh Lào Cai cùng với máy móc thiết bị có liên quan đến mỏ cho Công ty Cổ phần Khoáng sản và Môi trường Đại Việt để Công ty Cổ phần Khoáng sản và Môi trường Đại Việt khai thác và bán sản phẩm trong vòng 2 năm kể từ ngày 10/01/2012 đến 10/01/2014.

✓ **Mỏ vàng tại khu vực Thung Chùa, xã Bắc Sơn, huyện Kim Bôi và bản Ngọc Lâm, xã Cao Răm, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình**

- Mỏ vàng tại khu vực Thung Chùa, xã Bắc Sơn, huyện Kim Bôi và bản Ngọc Lâm, xã Cao Răm, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình được cấp Giấy phép khai thác số 80/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2009 của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Hòa Bình với thời hạn khai thác 13 năm kể từ ngày ký.
- Diện tích khai thác: 49,28 ha
- Công suất khai thác dự tính: 18.000 tấn quặng/ năm
- Thời hạn cấp phép: Đến ngày 12 tháng 11 năm 2022
- Quặng khai thác từ mỏ có hàm lượng Au từ 6- 12g/m³, Sau quá trình tuyển khoáng có hàm lượng 50 -70g/ m³. Công ty đang đầu tư dây chuyền chiết xuất vàng thương phẩm có hàm lượng Au bằng 99,9%;
- Tiềm năng vàng tại khu vực Thung Chùa (Cao Răm – Đồi Bù) tỉnh Hòa Bình: Vàng gốc ở tỉnh Hoà Bình đã được phát hiện và đánh giá ở các điểm khoáng sản Vai Đào - Cao Răm - Đồi Bù, huyện Lương Sơn (cấp C2 + P1 = 6.930 kg), Miếu Môn (Xã Trung Sơn, huyện Kim Bôi, trữ lượng cấp C2 + P1 + P2 = 1.457 kg, Trại Khoai (Xã Phú Minh, huyện Kỳ

Son), tài nguyên dự báo là 238,8 kg và một số biểu hiện khoáng hoá vàng ở Xóm Giếng, Xóm Pu, Ròng Cẩn. Qua công tác thăm dò đã xác định có 09 thân quặng.

Các điểm vàng gốc thường liên quan chặt chẽ với các đá phun trào bazan porphy, trachit, trachit porphy và felsit bị biến đổi của hệ tầng Việt Nam. Các đá vây quanh bị biến đổi thạch anh hoá, sericit hoá, kaolin hoá. Theo hướng dốc của các lớp đá trachit, felsit chứa khoáng hoá, càng xuống sâu mức độ dập vỡ và biến đổi càng yếu, hàm lượng khoáng vật quặng giảm. Quặng có cấu tạo xâm tán, xâm nhiễm.

Tại điểm khoáng sản Vai Đào - Cao Răm có 9 thân quặng có chiều dài 100 - 260m, chiều dày 0,6 - 4,14m. Hàm lượng trung bình Au: 1,6 - 18g/T. Thành phần khoáng vật quặng là pyrit, arsenopyrit, chalcopyrit, vàng tự sinh, sphalerit, galenit, covelin....

Các điểm quặng vàng nhìn chung, chưa được đánh giá đầy đủ, tuy nhiên sơ bộ bước đầu có thể xác định trữ lượng vàng cấp c2 và p1 lên tới 1.000kg.

✓ **Mỏ vàng tại xã Pắc Ta, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu**

- Theo Giấy phép khai thác số 1329/QĐ-UBND ngày 27 tháng 09 năm 2007 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lai Châu cấp phép cho Chi nhánh doanh nghiệp tư nhân xây dựng thương mại Hồng Mạnh tại Lai Châu được khai thác và chế biến vàng tại Pắc Ta, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

Tuy nhiên, theo Hợp đồng kinh tế số 01 KSLC về việc Liên doanh khai thác khoáng sản tại tỉnh Lai Châu giữa Chi nhánh Doanh nghiệp tư nhân Xây dựng – Thương mại Hồng Mạnh tại Lai Châu và Công ty TNHH Gia Long ngày 14 tháng 08 năm 2009, thì bên Chi nhánh Doanh nghiệp tư nhân Xây dựng – Thương mại Hồng Mạnh đã quyết định giao toàn quyền đầu tư, khai thác, chế biến vàng tại mỏ Pắc Ta, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu cho Công ty TNHH Gia Long và được hưởng 5% trên tổng lợi nhuận mà Công ty TNHH Gia Long làm ra tại mỏ Pắc Ta.

- Diện tích khai thác: 26 ha
- Công suất khai thác, chế biến: 10.000 tấn quặng vàng/ năm
- Thời hạn khai thác: Đến ngày 27 tháng 09 năm 2010, hiện tại Công ty đang kết hợp với đơn vị liên doanh để xin gia hạn thời gian khai thác và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lai Châu nhận hồ sơ số 43/HS-VP ngày 27 tháng 08 năm 2010, Công ty sẽ tiến hành công bố thông tin ngay khi nhận được quyết định gia hạn mỏ, cho đến hiện nay Công ty vẫn đang tiến hành khai thác bình thường.
- Quặng khai thác từ mỏ có hàm lượng Au từ 5- 13g/m³, Sau quá trình tuyển khoáng có hàm lượng 50 -70g/ m³. Công ty đang đầu tư dây chuyền chiết xuất vàng thương phẩm có hàm lượng Au bằng 99,9%.

Đối với các vật tư, nhiên liệu, danh sách một số nhà cung cấp chính cho Công ty như sau:

TT	Tên nhà cung cấp	Địa chỉ	Sản phẩm cung cấp
1	Nhà máy thiết bị khai thác chế biến khoáng sản	Thành phố Cô Cầu, Vân Nam, Trung Quốc	Dây chuyền thiết bị tuyển nổi quặng chì, kẽm
2	Nhà máy thiết bị công nghiệp YUHAO- Vân Nam – Trung Quốc	Vân Nam – Trung Quốc	Dây chuyền thiết bị tuyển quặng vàng
3	Công ty Hóa chất Côn Minh- Trung Quốc	Tp. Côn Minh, Trung Quốc	Hóa chất phục vụ tuyển quặng nổi
4	Công ty Cổ phần Tự Thành	182 Trường Chinh, Đống Đa, Hà Nội	Máy nghiền đá, băng tải, con lăn
5	Công ty Thương mại cơ khí Việt Nhật	Đường Hoàng Mai, P.Hoàng Văn Thụ, Q.Hoàng Mai, Hà Nội	Thiết bị Công trình, máy xúc đào, máy ủi
6	Công ty Xây lắp điện Vũ yên	Tp. Lào Cai, tỉnh Lào Cai	Xây lắp trạm biến áp, và đường dây
7	Công ty Điện lực Lào Cai	Tp. Lào Cai, tỉnh Lào Cai	Cung cấp điện sản xuất
8	Công ty Xăng dầu Lào Cai	Tp. Lào Cai, tỉnh Lào Cai	Xăng dầu các loại

(Nguồn: LCM)

Nhìn chung, với các mỏ đã được cấp giấy phép khai thác vẫn còn hiệu lực cũng như những mỏ đang trong thời hạn xin gia hạn có trữ lượng tương đối cao và chất lượng tốt, nguồn cung ứng vật liệu đầu vào cho hoạt động sản xuất của LCM luôn ổn định và dồi dào, đáp ứng đầy đủ nhu cầu thị trường và kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ. Nguồn cung ứng nhiên liệu thiết yếu như xăng, dầu cũng rất ổn định về số lượng cũng như chất lượng vì Công ty đã có được quan hệ đối tác bền chặt trong nhiều năm với các nhà cung ứng nhiên liệu trong phạm vi tỉnh cũng như một vài tỉnh thành trên cả nước.

Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận

Nguyên liệu chủ yếu phục vụ sản xuất của LCM được khai thác trực tiếp tại các mỏ và mua ở các mỏ lân cận. Vì vậy, những chính sách quản lý vĩ mô của nhà nước trong quản lý nguồn tài nguyên khoáng sản sẽ ảnh hưởng rất lớn đến nguồn nguyên liệu của Công ty. Bất cứ một sự thay đổi nào về chính sách đều ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của LCM.

Nguồn cung ứng năng lượng cho Công ty là các Công ty kinh doanh xăng dầu trong nước. Nhìn chung số lượng cung cấp nhiên liệu xăng dầu rất ổn định về số lượng và giá cả xăng dầu được

thực hiện theo quy định của Nhà nước. Tuy nhiên kể từ đầu năm 2012 cho đến nay, giá cả xăng dầu trên thế giới cũng như trong nước biến động mạnh do phụ thuộc vào giá xăng dầu thế giới và ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế, kéo theo chi phí đầu vào cho sản xuất của Công ty có nhiều biến động. Diễn biến giá cả nhiên liệu trên thị trường trong thời gian tới sẽ có ảnh hưởng đáng kể tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ngoài những tác động của các nhân tố liên quan trực tiếp đến giá cả nguyên vật liệu đầu vào của Công ty, chính sách của Nhà nước đối với ngành khoáng sản cũng ảnh hưởng lớn đến ngành khai thác khoáng sản nói chung và công ty nói riêng. Với chủ trương bảo vệ nguồn tài nguyên quốc gia và khuyến khích các doanh nghiệp khoáng sản đầu tư vào các dự án chế biến sau khai thác nhằm nâng cao hiệu quả, tránh lãng phí tài nguyên. Hiện nay, Chính phủ đã ban hành hàng loạt các chính sách nhằm kiểm soát hoạt động của các doanh nghiệp khai thác khoáng sản như quy định việc cấp phép mỏ phải có đủ điều kiện về vốn, công nghệ, thời gian khai thác, tăng thuế, phí tài nguyên, ... Điều này dẫn đến tăng chi phí cho các doanh nghiệp ngành khoáng sản và ảnh hưởng đến doanh thu lợi nhuận của Công ty.

6.3 Chi phí sản xuất

Đơn vị tính: triệu đồng

Loại chi phí	2010		2011			Lũy kế Quý 2/2012	
	Giá trị	% trong DT thuần	Giá trị	± so với 2010	% trong DT thuần	Giá trị	% trong DT thuần
-Giá vốn hàng bán	2.863	43,3%	17.832	522,8%	40,0%	23.296	41,2%
-Chi phí bán hàng	0	0,0%	0	-	0,0%	-	-
-Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.036	15,7%	2.395	131,2%	5,4%	1.374	2,4%
-Chi phí tài chính	0	0,0%	0		0,0%	-	-%
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>0</i>	<i>0,0%</i>	<i>0</i>		<i>0,0%</i>	<i>-</i>	<i>0,0%</i>
-Chi phí khác	0	0,0%	0		0,0%	-	0,0%
Tổng cộng	3.899	59,0%	20.227	418,8%	45,4%	19.909	65,6%

(Nguồn: BCTC KT năm 2010, 2011 và Q2/2012 của LCM)

Năm 2011, với sự tiếp tục đẩy mạnh hoạt động mảng khai thác, kinh doanh quặng vàng, vàng tinh luyện ... chi phí sản xuất của LCM tăng mạnh so với năm 2010 (tốc độ tăng 418,8%), tuy nhiên, vẫn thấp hơn nhiều so với tốc độ tăng của doanh thu thuần (năm 2011, doanh thu thuần tăng tới 574% so với năm trước). Bên cạnh đó, tỷ trọng các loại chi phí sản xuất trong doanh thu thuần cũng có những thay đổi tích cực so với năm 2010, theo đó: tỷ trọng giá vốn hàng bán giảm từ 43,3% xuống còn 40%, tỷ trọng chi phí quản lý doanh nghiệp giảm từ 15,7% xuống còn 5,4%.

Có được kết quả này là nhờ vào hiệu quả của việc nâng cao năng lực sản xuất và thực thi chính sách tiết kiệm. Công ty đã thực hiện chuyên môn hóa các công đoạn sản xuất, nâng cao công nghệ

sản xuất, hiện đại hóa quá trình khai thác và chế biến tinh quặng để giảm thiểu chi phí và nâng cao hiệu quả hoạt động. Đồng thời, LCM tiến hành kiện toàn lại bộ máy tổ chức và hoạt động theo hướng tinh gọn các phòng ban song song với việc quán triệt tinh thần tiết kiệm trong lao động - sản xuất tới từng cán bộ công nhân viên nhằm giảm định mức tiêu hao nhiên liệu, năng lượng trong các khâu sản xuất.

Đối với hoạt động tiêu thụ, giai đoạn 2010-2011, do Công ty thực hiện giao thành phẩm cho khách hàng ngay tại nơi sản xuất, chế biến nên Công ty không phát sinh chi phí bán hàng.

Sang giai đoạn 6 tháng đầu năm 2012, do chi phí chung tăng nên tỷ trọng giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần tăng đôi chút so với năm 2011 (từ 40% lên 41,2%).

6.4 Trình độ công nghệ

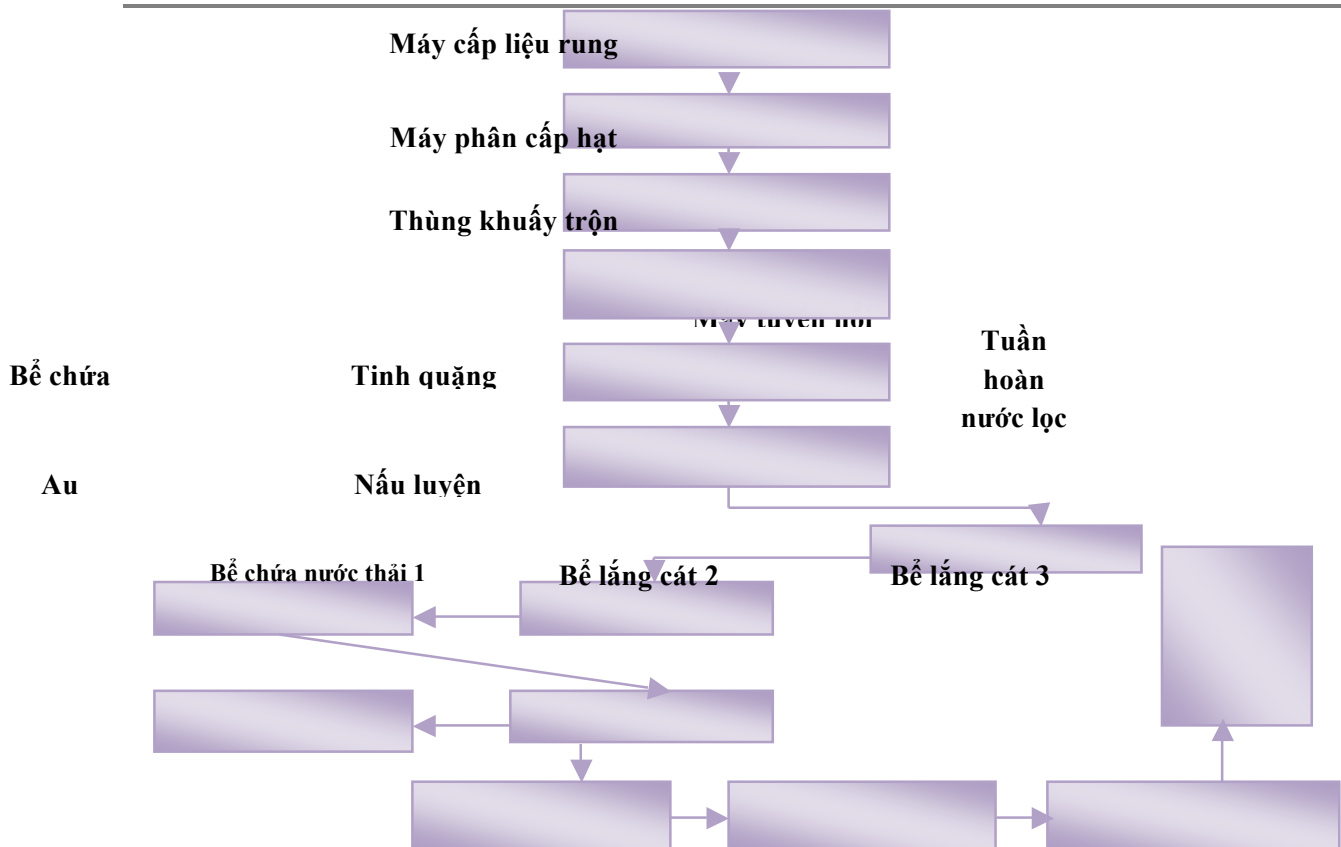
Hiện nay Công ty đang sử dụng những công nghệ và trang thiết bị trong thăm dò, khai thác và sản xuất khoáng sản rất phù hợp với địa chất các điểm mỏ thuộc chủ quyền, cũng như đáp ứng những yêu cầu khắt khe về đảm bảo an toàn sản xuất, bảo vệ môi trường sinh thái. Các dây chuyền nghiền, đập, phân loại và tuyển khoáng của Công ty chủ yếu được nhập từ Trung Quốc, Đức, Ý,.. chỉ có một số thiết bị máy móc sử dụng công nghệ trong nước. Đặc biệt, công nghệ khai thác và sản xuất chì kẽm được áp dụng công nghệ mới, cho ra chất lượng sản phẩm cao.

Hệ thống dây chuyền sản xuất Quặng chính của Công ty nhập khẩu từ Trung Quốc năm 2008, có công suất 200 tấn quặng/ngày, với độ lọc tinh từ 60 – 70% đủ tiêu chuẩn xuất khẩu ra Quốc tế cũng như bán cho các nhà máy luyện kim loại màu trong nước.

Dây chuyền sản xuất của công ty tạo ra những sản phẩm tinh luyện có hàm lượng rất cao, được các đối tác đánh giá cao.

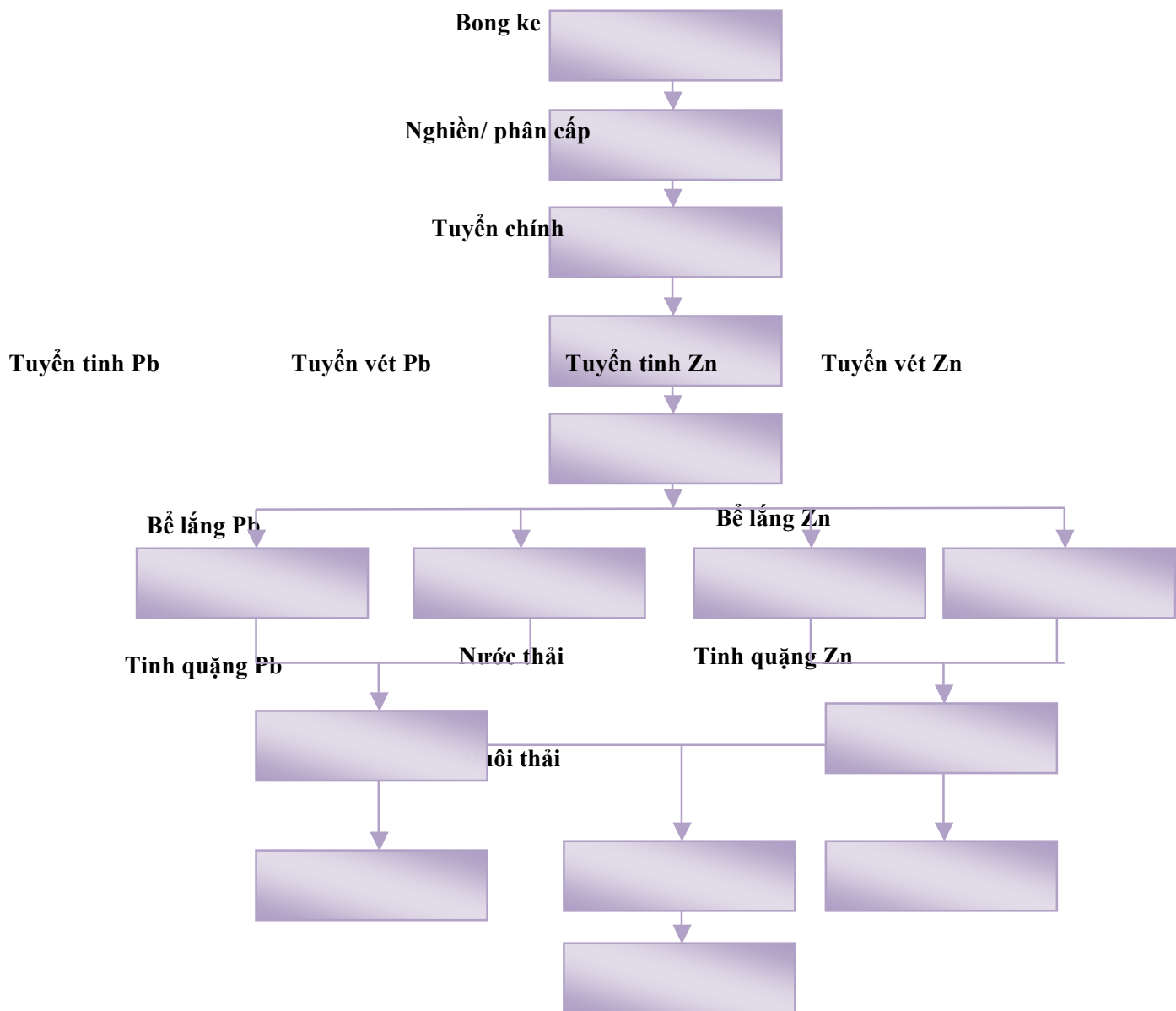
Quặng khai thác từ hầm lò được vận chuyển về xưởng tuyển. Tại đây quặng được đưa vào máy đập hàm, đập đến cỡ hạt ≤ 15 mm. Sau đó được đưa vào máy nghiền bi cùng lúc với việc cung cấp vôi tạo độ pH thích hợp cho quá trình tuyển nổi. Quặng được nghiền đến cấp hạt 200 mesh – 0.074mm (đạt tỷ lệ đến 50-60%). Dung dịch bùn quặng sau khi qua máy nghiền bi được đưa vào máy lắng phân cấp. Phần sản phẩm nặng trong đó hợp kim của vàng và chì được tách ra từ máy phân cấp, tiếp tục được đưa qua tuyển trọng lực bằng bàn đãi lắc. Quặng đuôi được loại bỏ và sản phẩm cát nặng thu được, sẽ được đưa vào nấu luyện để thu hồi vàng.

Dây chuyền sản xuất vàng



Quặng nguyên khai cấp cho nhà máy nhờ ô tô vận tải từ khai trường về đổ vào sàng có lưới. Quặng được nghiền thô cho lọt sàng xuống bong ke, thông qua máy nghiền kẹp hàm quặng được nghiền thành cỡ hạt 30m.m. Sản phẩm sau đó được băng tải chuyển đến sàng rung để tách cỡ hạt 10m.m, sản phẩm cỡ hạt 10m.m đưa vào máy nghiền bi nghiền cỡ hạt 0,074m.m rồi cho vào máy nghiền bi làm việc chu trình kín với máy phân cấp ruột xoắn cấp hạt vào khuấy với các thuốc rồi vào chu trình tuyển. Tại đây bùn quặng được tuyển nổi lấy chì kẽm.

Công nghệ sản xuất tinh quặng chì kẽm



Bên cạnh việc đầu tư dây chuyền hiện đại đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm đầu ra, vấn đề xử lý chất thải và bảo vệ môi trường cũng được Công ty chú trọng.

- Đối với nước thải: Với nước thải từ mỏ Công ty bố trí hệ thống mương rãnh tháo khô, thoát nước mỏ, ngăn nước mặt chảy tràn vào mỏ, lựa chọn nguồn nước tiếp nhận nước thải xa khu dân cư, nước lưu thông. Công ty áp dụng phương pháp lắng cơ học kết hợp với phương pháp lắng trung hòa để xử lý phần nước thải từ mỏ trước khi thải ra môi trường. Với nguồn nước thải từ sinh hoạt công ty xử lý bằng hố ga lắng cặn và bể tự hoại, nồng độ các chất ô nhiễm sau xử lý đạt tiêu chuẩn TCVN 6772:2000.
- Đối với chất thải rắn: Đất đá thải của mỏ được đổ vào bãi thải, được quản lý và cất giữ đúng kỹ thuật, chất thải được thải theo lớp dày 20 – 25 m, bản dốc không lớn hơn 30-35 độ, xây dựng rãnh thoát nước và đê chắn để tránh hiện tượng sụt lở.

- Đối với chất thải đất đá có chứa các chất độc hại trước khi thải Công ty tiến hành lót đáy bãi thải bằng lớp đất (sét) không thấm nước với chiều dài tiêu chuẩn từ 0,6 – 1m và lu lèn đến $k < 10^{-6}$ cm/s hoặc vải địa chất.
- Đối với các khu vực sau khi khai thác xong Công ty tiến hành phục hồi môi trường cảnh quan bằng cách sử dụng các chế phẩm có hoạt tính sinh học như phân vi sinh sản xuất từ than, từ rác hữu cơ, các hoạt sinh vi sinh thổ nhưỡng.

Ngoài ra Công ty còn kết hợp với chính quyền địa phương tăng cường công tác hoàn thổ, phục hồi môi trường, tạo điều kiện giáo dục tạo việc làm cho lao động địa phương sau khai thác.

6.5 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Hoạt động Nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới luôn được Công ty dành sự quan tâm và đầu tư đáng kể. Đội ngũ nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới của Công ty trong những năm qua đã tập hợp được những cán bộ nòng cốt, có trình độ chuyên môn cao, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Giám đốc đã không ngừng nghiên cứu, tìm tòi và phát triển những sản phẩm mới nhằm đem lại hiệu quả kinh tế ngày càng cao cho Công ty. Một trong những thành tựu nổi bật của Ban là đã cùng với các cán bộ nghiên cứu của các Công ty khác trong ngành, sáng chế ra công nghệ và quy trình sản xuất, cho ra sản phẩm đạt chất lượng cao.

6.6 Tình hình kiểm tra chất lượng

Công ty rất chú trọng đầu tư cho khâu quản lý, giám sát chất lượng sản phẩm từ khai khoáng đến từng công đoạn. Để đủ tiêu chuẩn bán ra thị trường, các sản phẩm từ khai khoáng của Công ty đều phải trải qua những công đoạn kiểm tra, giám sát sau:

- Tại các mỏ đều có các cán bộ chuyên môn trực tiếp giám sát quá trình khai thác, sàng lọc quặng nguyên khai
- Sau quặng nguyên khai được đưa vào quy trình sàng lọc, nghiền tuyển với các máy móc hiện đại, sản phẩm sau tuyển chọn sẽ được đưa vào phòng thí nghiệm để phân tích hàm lượng quặng. Chỉ những lô sản phẩm có chất lượng tốt, đủ tiêu chuẩn bán ra thị trường mới được phép lưu kho sản phẩm.
- Toàn bộ quá trình kiểm tra chất lượng sản phẩm quặng của Công ty đều được áp dụng theo quy chuẩn nghiêm ngặt.
- Tại hiện trường thi công đều có lực lượng giám sát kỹ thuật hiện trường, thí nghiệm hiện trường trực tiếp kiểm tra, giám sát chất lượng công trình.
- Tại phòng thí nghiệm: Công ty kết hợp với phòng thí nghiệm của Sở Khoa học Công nghệ tỉnh Lào Cai để kiểm tra, thí nghiệm cơ lý hóa nhằm đảm bảo chất lượng trước khi đưa vật liệu vào thi công như: thép, cát đá sỏi, xi măng...

Công ty đang áp dụng các tiêu chuẩn Nhà nước, tiêu chuẩn ngành, bên cạnh đó công ty xây dựng

một bộ tiêu chuẩn riêng phù hợp với từng loại sản phẩm để giám sát việc lựa chọn từ nguyên liệu đầu vào đến sản phẩm đầu ra. Hiện nay, công ty đang hoàn thiện quy trình giám sát để xin chấp chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2008 và đặt mục tiêu sẽ đạt được trong năm tới.

6.7 Hoạt động Marketing

Bên cạnh thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng, số lượng sản phẩm, Công ty cũng rất chú trọng công tác quảng bá, giới thiệu sản phẩm, phân phối sản phẩm và dịch vụ một cách tốt nhất tới khách hàng. Mỗi thành viên trong công ty có nghĩa vụ quảng bá thương hiệu và sản phẩm của mình ra ngoài thị trường. Trong những năm qua Công ty đã thực hiện rất tốt hoạt động marketing theo những đặc thù riêng có của mình và đã đạt được những hiệu quả cao. Mặc dù Công ty đã đổi tên, tuy nhiên thương hiệu của Công ty vẫn được đông đảo bạn hàng và các đối tác biết đến không chỉ trên địa bàn tỉnh Lào Cai, Lai Châu mà còn lan tỏa, có chỗ đứng vững chắc trên địa bàn cả nước cũng như đối tác nước ngoài Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật và các nước khối EU.

6.8 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Logo và nhãn hiệu của Công ty cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai:



Biểu tượng trên được Công ty thống nhất dùng làm nhãn hiệu cho các sản phẩm và dịch vụ của Công ty cho đến thời điểm hiện tại.

6.9 Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Đối tác ký hợp đồng	Số hợp đồng	Nội dung	Giá trị
01	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Tổng hợp Bắc sông Cầu Thái Nguyên	01/2008/HĐMB	Quặng chì kẽm (quặng sunfua) quặng cục nguyên khai	2.570.000.000 (VNĐ)
02	Công ty TNHH Hoa Phong (Hà Khẩu, Vân Nam, Trung Quốc)	03 /2008/XK	Tinh quặng sunfua chì (hàng đã qua chế biến) $Pb \geq 50\%$	1.132.500 (Nhân dân tệ)
03	Công ty TNHH Khoáng Nghiệp khuôn nguyên – Trung Quốc	04/2008XK	Tinh quặng sunfua chì (hàng đã qua chế biến) $Pb \geq 50\%$	928.700 (Nhân dân tệ)
04	Công ty Hữu hạn Khoáng sản Phúc Lợi Đăng Phi – Trung Quốc	05 /2008/XK	Tinh quặng Sunfua chì	660.000 (Nhân dân tệ)

TT	Đối tác ký hợp đồng	Số hợp đồng	Nội dung	Giá trị
05	Công ty TNHH Gia Long Hòa Bình	10/HĐ-KT	Đá tổng hợp các loại	2.400.000.000 (VNĐ)
06	Công ty cổ phần Hằng Nguyên	06/ HĐ - KT	Bán quặng chì kẽm (Zn)	30.000.000.000 (VNĐ)
07	Công ty cổ phần Thương mại – XNK Gia Huy	07/ MB	Bán quặng chì kẽm (Zn)	16.000.000.000 (VNĐ)
08	Công ty Xây dựng Hiệp Thành	01/2011/ HDMB	Mua quặng chì, kẽm phục vụ nhà máy chế biến quặng Bản Mế - Simacai	100.000.000.000 (VNĐ)
09	Công ty Cổ phần Xây dựng và Khoáng sản Đông Bắc	02/2011/ HDMB	Mua quặng chì, kẽm phục vụ nhà máy chế biến quặng Bản Mế - Simacai	50.000.000.000 (VNĐ)
10	Công ty kim loại màu Thái Nguyên	06/2011/HĐ	Bán tinh quặng sunfat kẽm $Zn \geq 50\%$	75.380.000.000 (VNĐ)
11	Công ty Hữu hạn Khoáng sản Phúc Lợi	08 /2011/XK	Bán tinh quặng sunfua chì, kẽm	30.000.000 (Nhân dân tệ)
12	Công ty cổ phần Hằng Nguyên	09/2011/ XK	Bán tinh quặng sunfua chì, kẽm	20.000.000 (Nhân dân tệ)
13	Công ty Cổ phần Khoáng sản và môi trường Đại Việt	180312 /HĐHTKD	Khai thác quặng chì, kẽm	96.000.000.000 (VNĐ)

(Nguồn: LCM)

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm gần nhất

7.1 Kết quả hoạt động kinh doanh

Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh cơ bản

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2010	2011		6T/2012
	Giá trị	Giá trị	±so với 2010	Giá trị
Tổng giá trị tài sản	88.764	113.572	27,9%	148.268
Doanh thu thuần	6.614	44.577	574,0%	56.555

Chỉ tiêu	2010	2011		6T/2012
	Giá trị	Giá trị	±so với 2010	Giá trị
Lợi nhuận gộp từ BH&CCDV	3.750	26.745	613,1%	33.258
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.715	24702	809,7%	32.178
Lợi nhuận khác	0	0	-	0
Lợi nhuận trước thuế	2.715	24702	809,7%	32.178
Lợi nhuận sau thuế	2.455	22.232	805,4%	28.960
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	57,8%	-	-

(Nguồn: BCTC KT năm 2009, 2010 và BCTC Q2/2012 của LCM)

Ghi chú: Đối với thuế thu nhập doanh nghiệp, theo Quyết định số 161/CT/TT&HT ngày 28/01/2011 của Cục Thuế tỉnh Lào Cai, Công ty được áp dụng thuế suất 20% trong thời gian 10 năm, kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh, được miễn 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong thời hạn 06 năm tiếp theo. Theo Quyết định này, LCM được miễn thuế cho năm 2007 và 2008; từ năm 2009 - 2014: LCM được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10%; từ năm 2015 -2017, thuế suất này sẽ là 20%.

Năm 2010 đã đánh dấu một bước khởi đầu tốt đối với Công ty trong việc mở rộng quy mô hoạt động, đa dạng hóa sản phẩm và hứa hẹn những kết quả khả quan hơn nữa trong tương lai. Điều này có thể thấy được một phần thông qua kết quả LCM đã đạt được trong năm 2011 với các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận đều đạt mức tăng trưởng vượt trội so với năm 2010. Doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế năm 2011 lần lượt bằng 6,7 lần và 9,1 lần so với năm trước. Sự tăng trưởng vượt trội nhờ vào việc tăng năng suất khai thác tại các mỏ vàng. Bên cạnh đó, giá quặng vàng, vàng tinh luyện cũng như giá quặng và tinh quặng chì kẽm trên thị trường đều có tốc độ tăng trưởng tốt.

Trong 6 tháng đầu năm 2012, hoạt động kinh doanh của LCM tiếp tục đạt được những kết quả khả quan với doanh thu thuần, lợi nhuận sau thuế riêng 6 tháng đầu năm 2012 lần lượt đã bằng 126,87% và 130,26% so với cả năm 2011. Mặc dù chi phí giá vốn tăng nhưng tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần Quý I+II/2012 (51,2%) vẫn tăng mạnh so với bình quân giai đoạn 2010-2011 (43,5%). Điều này là do sự đóng góp đáng kể của lợi nhuận từ việc cho thuê sử dụng mỏ trong tổng lợi nhuận của LCM. Trong năm 2012, Công ty ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Khoáng sản và Môi trường Đại Việt trong hoạt động khai thác mỏ Chì Kẽm Suối Thầu, xã Bản Sen, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai với giá trị 96 tỷ đồng kể từ ngày 10/01/2012 đến ngày 07/11/2016. Nhờ hợp đồng này, lợi nhuận từ mảng cho thuê sử dụng mỏ của LCM 6 tháng đầu năm 2012 là 20.007.500.000 đồng.

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

7.2.1 Thuận lợi:

- **Chính sách của Nhà nước:** Khoáng sản và xây dựng là những ngành được Nhà nước dành cho những chính sách ưu đãi về hoạt động khai thác ở những vùng có cơ sở hạ tầng kém phát triển, những doanh nghiệp có kỹ thuật, công nghệ chế biến tiên tiến, khai thác và sử dụng tài nguyên hiệu quả mang lại giá trị và hiệu quả kinh tế cao.
- **Nguồn lực sản xuất:** Hiện tại, nguồn lực sản xuất của Công ty vẫn đang rất dồi dào, với các mỏ khai thác có trữ lượng lớn. Việc cần làm hiện nay của Công ty là mở rộng sản xuất về quy mô, nâng cao năng lực sản xuất để có thể khai thác được tối đa nguồn tài nguyên đã được cấp phép.
- **Nguồn lực con người:** Với đội ngũ CBCNV tận tâm, tay nghề cao, được điều hành bởi những cán bộ, lãnh đạo có trình độ chuyên môn cao, Công ty có đủ nội lực để phát triển một cách mạnh mẽ và bền vững trong những năm tới.
- **Thị trường tiêu thụ sản phẩm:** Nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm quặng của Công ty như chì, kẽm, vàng, đá xây dựng... đều đang tăng cao. Hơn nữa Công ty đã xây dựng được những kênh tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm rất ổn định với giá trị hợp đồng lớn, thị trường không chỉ ở trong nước mà còn mở rộng ra các nước lân cận.

7.2.2 Khó khăn

- **Tình hình kinh tế trong và ngoài nước:** Kinh tế thế giới và Việt Nam vừa trải qua một giai đoạn hết sức khó khăn và mới chỉ bắt đầu phục hồi nên vẫn còn rất nhiều những thử thách trong thời gian tới. Các ngành công nghiệp dùng nguyên liệu quặng làm nguyên liệu đầu vào nhìn chung đều giảm công suất sản xuất, kéo theo đầu ra cho sản phẩm quặng cũng bị thu hẹp lại trong thời gian qua. Giá vật liệu đầu vào từ đầu năm 2012 đã tăng khá mạnh cũng gây ra những khó khăn nhất định trong vấn đề quản lý, hoạch định chi phí sản xuất của Công ty.
- **Trữ lượng mỏ khai thác:** Mặc dù có trữ lượng mỏ được cấp phép tương đối lớn, nhưng vấn đề quản lý, khai thác cũng là một thách thức không nhỏ đối với Công ty. Hiện tại các mỏ tình trạng khai thác tự do, khai thác lậu, cướp sản phẩm diễn ra hết sức phức tạp bắt buộc Công ty phải có hệ thống giám sát đảm bảo an toàn cho đội ngũ cán bộ Công nhân viên và các sản phẩm khai thác.

8. Vị thế của Công ty đối với các Doanh nghiệp cùng ngành

Với những chính sách ưu đãi nhằm thu hút đầu tư của tỉnh Lào Cai, Lai Châu vào lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản, đặc biệt với những doanh nghiệp có công nghệ khai thác tiên tiến, đảm bảo an toàn hệ sinh thái, cũng như sức khỏe của người lao động trực tiếp sản xuất. Công ty cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai đang có những lợi thế đáng kể so với những doanh nghiệp cùng ngành nghề trên địa bàn tỉnh cũng như trên cả nước. Nếu so sánh với những

doanh nghiệp có truyền thống lâu năm về khai thác khoáng sản, Công ty vẫn là một doanh nghiệp trẻ. Tuy nhiên, với quyết tâm đón đầu công nghệ, Công ty đã nghiên cứu và đưa vào sản xuất nhiều loại máy móc, thiết bị, quy trình hiện đại nhằm nâng cao tối đa năng suất cũng như giảm thiểu những tác động xấu tới môi trường và cảnh quan xung quanh, đảm bảo sức khỏe an toàn cho người lao động. Với những thành tích tốt trong sản xuất những năm qua, Công ty luôn được UBND, các ban ngành có liên quan của tỉnh Lào Cai, Lai Châu tạo điều kiện tối đa cho việc cấp phép, khai thác các vùng có những điểm mỏ lớn, có giá trị kinh tế cao như chì kẽm, vàng. Đây là một lợi thế đặc biệt quan trọng của Công ty trong quá trình hội nhập và phát triển thời gian tới.

Triển vọng ngành

Kết quả điều tra địa chất cho thấy Việt Nam đã phát hiện ra nhiều mỏ quặng chì kẽm, vàng có giá trị và phân bố rải rác ở nhiều nơi. Các loại khác như quặng chì kẽm, quặng đồng, quặng thiếc, quặng nhôm tập trung nhiều ở Tây Ninh, Lâm Đồng, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn,... riêng quặng kim loại quý như vàng đã được điều tra phát hiện ở nhiều vùng trên cả nước và một vài mỏ đã được đưa vào khai thác. Như vậy, trữ lượng và các loại khoáng sản kim loại của Việt Nam là khá phong phú. Những năm gần đây, sản lượng khai thác, chế biến và xuất khẩu một số loại khoáng sản tăng mạnh, đóng góp tích cực vào tăng trưởng của một số địa phương và cả nước. Khai thác khoáng sản luôn đem lại cho doanh nghiệp những nguồn lợi đáng kể. Do vậy hiện nay có rất nhiều doanh nghiệp có năng lực tài chính và sản xuất đang tập trung vào việc xin cấp phép thăm dò và khai thác quặng. Khoáng sản kim loại luôn được đánh giá là nguồn tài nguyên quý hiếm và có ý nghĩa quan trọng trong sự phát triển của nền kinh tế. Các chuyên gia kinh tế đều nhận định rằng ngành khai thác khoáng sản sẽ tiếp tục tăng trưởng cho dù kinh tế thế giới có phát triển chậm lại trong một vài năm tới.

Đánh giá về sự phù hợp, định hướng phát triển của Công ty với định hướng phát triển ngành, chính sách Nhà nước và xu thế chung của thế giới

Công nghiệp khai khoáng là ngành đầu tư lớn, có hiệu quả kinh tế cao, nhất là khi tăng trưởng kinh tế đòi hỏi nhiều các nguyên nhiên liệu quặng làm đầu vào, nhờ đó các Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này sẽ thu được lợi nhuận lớn. Tuy nhiên, lợi thế là vậy nhưng các Công ty hoạt động trong ngành chịu sự ảnh hưởng rất lớn từ các chính sách nhà nước như định hướng phát triển ngành khoáng sản, những ưu đãi, khuyến khích hay hạn chế...Thêm vào đó, chi phí khai thác mỏ phụ thuộc rất nhiều vào giá cả nhiên liệu như xăng, dầu và giá cả những nguyên nhiên liệu này trong những năm gần đây liên tục biến động, ảnh hưởng lớn đến kết quả khai thác nếu không có kế hoạch dài hạn trong việc dự trữ nhiên liệu hợp lý. Đứng trước tình hình trên Công ty cũng đã có những kế hoạch phát triển phù hợp với định hướng phát của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới như :

Lập quy hoạch phát triển bền vững cho các mỏ hiện Công ty đang khai thác hoặc đã được cấp phép và sẽ tiến hành khai thác trong thời gian tới. Xem xét tính đồng bộ và toàn diện từ giai đoạn khảo sát, thăm dò, khai thác chế biến, sử dụng có tính đến yếu tố bảo vệ môi trường cảnh quan thiên nhiên.

Tiến hành đổi mới công nghệ, máy móc, thiết bị và dây chuyền sản xuất, quản lý hiện đại để tận thu nguồn tài nguyên, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm.

Nghiên cứu công nghệ thu hồi các khoáng chất và nguyên tố cộng sinh trong các mỏ. Nghiên cứu áp dụng công nghệ chế biến và sử dụng lại các chất thải nhằm hình thành công nghệ ít hoặc không phế thải công nghiệp.

Xây dựng quy hoạch công tác quản lý để góp phần khai thác, chế biến hợp lý và sử dụng tổng hợp, tiết kiệm nguồn nguyên nhiên liệu và tài nguyên khoáng sản cho từng mỏ khai thác, loại khoáng sản, vùng khoáng sản.

Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành

Công ty Cổ phần khai thác và chế biến Khoáng sản Lào Cai là doanh nghiệp có quy mô vốn thuộc loại trung bình so với các công ty cùng ngành, tuy nhiên Công ty khai thác các điểm mỏ tập trung tại địa bàn có trữ lượng lớn như Lào Cai, Lai Châu, Hòa Bình, do vậy Công ty có tiềm năng phát triển lâu dài và ổn định. Trong những năm vừa qua LCM đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm, liên tục mở rộng hoạt động sản xuất, đầu tư thêm máy móc thiết bị hiện đại, đổi mới công nghệ nên sản lượng và chất lượng của sản phẩm tăng lên rõ rệt, các sản phẩm của Công ty tạo uy tín trên thị trường đặc biệt đối với các khách hàng nhập khẩu sản phẩm của Công ty như các nước EU, Mỹ, Trung Quốc và các nước khác.

Với các chính sách ưu đãi của địa phương cũng như tiềm năng phát triển lâu dài của Công ty, LCM ngày càng mở rộng và tạo được thương hiệu uy tín trên thị trường so với các doanh nghiệp cùng ngành.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1 Tình hình lao động hiện nay

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững, do vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn, tay nghề cao, tác phong phục vụ chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình. Tính đến ngày 30/06/2012, số lượng cán bộ nhân viên, công nhân khai thác và xây dựng của Công ty là 250 người.

Chỉ tiêu	30/04/2012
Số lượng nhân viên	250
Phân theo trình độ chuyên môn	
Trên đại học	0
Đại học	20
Cao đẳng, Trung cấp	40
Khác	316
Phân theo thời hạn hợp đồng	

Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ (TGĐ, PTGD, KTT)	0
Hợp đồng không xác định thời hạn	100
Hợp đồng lao động có thời hạn từ 1-3 năm	180
Lao động hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	96

(Nguồn : LCM)

9.2 Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

9.2.1 Chính sách tuyển dụng và đào tạo

- Ngay sau khi hoạt động theo cơ chế của công ty cổ phần, LCM đã nghiên cứu, xây dựng và ban hành Quy chế Tuyển dụng riêng của Công ty nhằm tuyển dụng và giữ được cán bộ có kinh nghiệm, chuyên môn nghiệp vụ giỏi, tay nghề cao và đam mê công việc phù hợp với yêu cầu công việc, đảm bảo đáp ứng đủ về số lượng, chất lượng (năng lực, kỹ năng...) để cùng LCM nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh.
- Đối với Đào tạo: Ngoài việc tổ chức đào tạo tại chỗ, vừa làm vừa học qua thực tế công việc LCM còn tạo mọi điều kiện thuận lợi, cần thiết để Người lao động được tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn, dài hạn,...nhằm không ngừng nâng cao trình độ về chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ... năng lực cạnh tranh, thực hiện tốt chính sách chất lượng và mục tiêu chất lượng lao động của Công ty.

9.2.2 Chính sách tiền lương

- Người lao động trong Công ty ngoài tiền lương được hưởng theo hệ số còn được trả lương căn cứ theo trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao. Công ty thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các chế độ chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho các cán bộ công nhân viên, nâng bậc lương hàng năm theo kỳ cho cán bộ công nhân viên.
- Ngoài những quyền lợi được quy định trong Bộ Luật lao động, người lao động còn được hưởng nhiều đãi ngộ dưới các hình thức như du lịch, nghỉ mát, trợ cấp thai sản...

10. Chính sách cổ tức

Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật.

Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng Cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Quản trị, căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tiếp theo. Cổ tức được chia cho các cổ đông theo phần vốn góp. Khi cổ tức được chi trả theo quy định, Công ty vẫn phải đảm bảo được khả năng thanh toán các khoản nợ và các nghĩa vụ khác khi đến hạn. Năm 2009 và 2010, Công ty không thực hiện chi trả lợi tức do lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh còn khiêm tốn. Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 15/NQ/2012 ngày 25 tháng 04 năm 2012 Đại hội cổ đông nhất trí thông qua phương án chia cổ tức năm 2011 với tỷ lệ 15% bằng tiền mặt cho cổ đông, Công ty có kế hoạch thông báo và tiến hành chi trả cổ trong thời gian tới. Dự kiến năm 2012 Công ty sẽ tiến hành chia cổ tức 20% bằng tiền mặt (tính trên mệnh

giá), cụ thể tỉ lệ chia cổ tức sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty.

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1 Các chỉ tiêu cơ bản

Trích khấu hao tài sản cố định

Chi phí khấu hao tài sản cố định của Công ty được trích phù hợp với quy định của Bộ Tài chính theo Quyết định 206/2003/QĐ – BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 12/12/2003. Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản dựa trên thời gian hữu ích ước tính với các nhóm như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc : 05 - 25 năm
- Máy móc thiết bị : 05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn : 06 - 20 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý : 03 - 08 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác : 5 – 10 năm

Mức lương bình quân

Mức lương bình quân hiện tại đối với cán bộ nhân viên của Công ty như sau:

- Lương bình quân công nhân sản xuất tại các xưởng, nhà máy: 2.500.000 đồng/ tháng
- Lương bình quân của khối hành chính: 3.500.000 đồng/ tháng

Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản vay đến hạn

Các khoản phải nộp theo luật định

Tính đến 30/06/2012, số dư “Thuế và các khoản phải nộp nhà nước” (thuộc khoản mục “Nợ ngắn hạn”) trên bảng cân đối kế toán của Công ty là 9.054.340.558 VND, cụ thể bao gồm:

Khoản mục	Giá trị (VND)	Ghi chú
Thuế giá trị gia tăng	2.790.043.290	Tính đến 30/07/2012, LCM đã thực hiện nộp hết khoản thuế này
Thuế tài nguyên	781.818.182	Khoản thuế này Công ty được gia hạn nộp đến hết năm 2012
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.482.479.086	Đây là khoản thuế TNDN tính cho giai đoạn năm 2011 đến 30/06/2012. Khoản thuế này được giãn nộp (đang làm thủ tục gia hạn theo Quyết định số 04/2012/QĐ-TTg về việc gia hạn nộp thuế TNDN thêm 3 tháng đối với số thuế TNDN phải nộp trong Quý 1 và Quý 2 năm 2012)
Tổng cộng	9.054.340.558	

Trích lập các quỹ theo luật định

Trong 02 năm 2009 và 2010, Công ty vẫn hoạt động dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn và tạm thời chưa trích lập các quỹ của Công ty do:

- Quy mô hoạt động còn nhỏ (việc tăng vốn từ 2,158 tỷ lên 85,68 tỷ được thực hiện trong tháng 12/2010)
- Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong 02 năm này chưa cao. Năm 2009 Công ty vẫn bị lỗ lũy kế. Đối với phân phối lợi nhuận năm 2010, theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2011/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 02 năm 2011, Công ty quyết định sử dụng toàn bộ lợi nhuận sau thuế để tái đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh, không trích lập các quỹ (kể cả quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ).

Về trích lập quỹ từ phân phối lợi nhuận năm 2011, căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên ngày 25/04/2012 của LCM, sẽ bao gồm các khoản sau:

Chỉ tiêu	Giá trị (VND)
Lợi nhuận sau thuế 2011	22.231.760.670
Trích quỹ đầu tư phát triển (5%)	1.111.588.034
Trích quỹ dự phòng tài chính (5%)	1.111.588.034
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (5%)	1.111.588.034

Tổng dư nợ vay 30/06/2012

Tính tại thời điểm 30/06/2012, Công ty không có các khoản vay, nợ nào.

Tình hình công nợ hiện nay

- Các khoản phải thu

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2010	31/12/2011	30/06/2012
Phải thu ngắn hạn	18.114	25.204	37.804
1. Phải thu của khách hàng	5.959	13.547	27.837
2. Trả trước cho người bán	11.821	10.369	9.347
3. Phải thu khác	334	1.288	620
4. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	0	0	0
Phải thu dài hạn	0	0	0

(Nguồn: BCTC KT năm 2010, 2011 và BCTC Q2/2012 của LCM)

Công ty không có phải thu dài hạn, chỉ có các khoản phải thu ngắn hạn, chiếm bình quân 23,6% trong tổng tài sản và tỷ lệ này có xu hướng tăng giai đoạn 2010 – Quý 2/2012 (tại 31/12/2010: 20,4%, tại 31/12/2011: 22,2% và 30/06/2012: 25,5%). Các khoản phải thu tăng nhanh qua từng năm do Công ty mở rộng quy mô hoạt động và chủ yếu là trả trước cho người bán, phải thu của khách hàng.



Tại thời điểm 30/06/2012, phải thu của khách hàng chiếm 73,64% trên tổng các khoản phải thu, chi tiết:

Phải thu của khách hàng	30/06/2012 (VND)
Phải thu về khách hàng mua khoáng sản	19.206.785.156
Phải thu về khách hàng được cung cấp các dịch vụ	8.145.729.648
Phải thu các khách hàng khác	485.108.791
Dự phòng phải thu khó đòi	-
Cộng	27.837.623.595

Trả trước người bán chiếm 24,72% trên tổng các khoản phải thu, chi tiết:

Trả trước cho người bán	30/06/2012 (VND)
Trả trước cho nhà cung cấp nhiên, nguyên vật liệu, khoáng sản	7.129.538.163
Trả trước cho nhà cung cấp dịch vụ, thi công	2.217.726.837
Cộng	9.347.265.000

Đây đều là các khoản công nợ trong giao dịch hàng hóa đối với các nhà cung cấp có mối quan hệ hợp tác lâu dài với Công ty. Do vậy LCM đánh giá khả năng thu hồi các khoản phải thu là 100%.

- Các khoản phải trả

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2010	31/12/2011	30/06/2012
Nợ ngắn hạn	741,7	3.319	9.054
1. Vay và nợ ngắn hạn	0	0	0
2. Phải trả người bán	0	0	0
3. Người mua trả tiền trước	0	0	0
4. Thuế và các khoản phải nộp NS	741,5	3.268	9.054
5. Phải trả, phải nộp khác	0,2	51	0
6. Dự phòng phải trả ngắn hạn	0	0	0
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	0	0	0
Nợ dài hạn	0	0	0
Tổng Cộng	741,7	3.319	9.054

(Nguồn: BCTC KT năm 2010, 2011 và BCTC Q2/2012 của LCM)

Đối với nợ phải trả, LCM chỉ có nợ ngắn hạn với 98,5%-100% là thuế và các khoản phải nộp ngân sách. Nợ ngắn hạn có xu hướng tăng trong giai đoạn 2010 - Quý 1/2012 tuy vậy chỉ chiếm tỷ lệ khá nhỏ trên tổng tài sản (tại 31/12/2010: 0,8%, tại 31/12/2011: 2,9% và 30/06/2012: 6,1%).

11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2010	2011	Lũy kế Q2/2012
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	42,79	15,71	9,76
+ Hệ số thanh toán nhanh tương đối	Lần	28,28	11,33	8,3
+ Hệ số thanh toán nhanh tuyệt đối	Lần	3,87	2,23	0,26
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:				
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,01	0,03	0,06
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,01	0,03	0,06
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:				
+ Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	0,28	1,57	1,98
+ Vòng quay Tổng TS (= Doanh thu thuần/Tổng tài sản)	Vòng	0,07	0,39	0,38
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:				
+ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	37,13%	49,87%	51,21%
+ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	2,79%	22,43%	23,22%
+ Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	2,77%	21,98%	22,12%
+ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	41,06%	55,41%	56,09%

Các chỉ tiêu tài chính thể hiện LCM có tình hình tài chính lành mạnh.

LCM có khả năng thanh toán tốt do hệ số thanh toán nhanh tuyệt đối tại các thời điểm cuối năm 2010, 2011 và 30/06/2012 đều ở mức cao, lần lượt bằng 3,87 lần; 2,23 và 00,26 lần. Điều này là do trong giai đoạn 2010 –Quý 2/2012, lãi suất cho vay trong nền kinh tế tăng rất mạnh nên để tránh áp lực trả nợ và lãi vay, LCM không thực hiện vay nợ (các khoản mục vay và nợ ngắn hạn, dài hạn giai đoạn này đều bằng 0). Hệ số nợ trên tổng tài sản cũng như nợ trên vốn chủ sở hữu rất thấp, chỉ bằng 0,03 lần tại thời điểm 31/12/2011 và bằng 0,06 lần tại thời điểm 30/06/2012.

Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động và chỉ tiêu về khả năng sinh lời của LCM đều có sự cải thiện đáng kể trong giai đoạn 2010 –2011. Vòng quay hàng tồn kho tăng từ 0,28 vòng tại thời điểm 31/12/2010 lên 1,57 vòng tại thời điểm 31/12/2011 và 1,98 vòng tại 30/06/2012. Vòng quay

tổng tài sản tăng từ 0,07 vòng tại thời điểm 31/12/2010 lên lần lượt 0,39 và 0,38 vòng tại cuối năm 2011 và Quý 2/2012. ROA và ROE năm 2010 đều ở mức dưới 3%, trong khi năm 2011 tăng mạnh lên mức trên 21% và Quý 2/2012 đạt mức trên 20%. Điều này thể hiện hiệu quả sinh lời tốt nhờ việc mở rộng quy mô hoạt động và đa dạng hóa sản phẩm của LCM.

12. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban giám đốc, Kế toán

12.1 Danh sách về HĐQT

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm	Tỷ lệ
1	Bùi Đức Thanh	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	1.500.000	17,51%
2	Lưu Thị Thanh Mai	Ủy viên Hội đồng Quản trị	800.000	9,34%
3	Vũ Anh Tuấn	Ủy viên Hội đồng Quản trị	211.840	2,47%
4	Phạm Bá Huy	Ủy viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc	0	0%
5	Nguyễn Khắc Kim	Ủy viên Hội đồng Quản trị	1.000	0,012%

Ông : BUI ĐỨC THANH - Chủ tịch HĐQT

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 06/01/1954
- Chứng minh thư nhân dân : 012750826 Ngày cấp: 25/03/2005 Nơi cấp: CA HN
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Yên Từ -Yên Mô- Ninh Bình
- Địa chỉ thường trú : Số 18 ngõ 165 đường Cầu Giấy-P.Dịch Vọng - HN
- Trình độ văn hóa : 10/10 ;
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 1985 -1991 Công tác tại tỉnh Bắc Thái
 - Từ năm 1991 – 1995 Công tác tại Công ty Sản xuất dịch vụ tổng hợp Thái Nguyên
 - Từ năm 1995-2002 Giám đốc công ty TNHH khoáng sản Bắc Kạn
 - Từ năm 2002 đến năm 2011 Giám đốc Công ty TNHH Gia Long (nay là Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai)



Từ tháng 01/2011 – 04/2012

Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Khai
thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai

Từ 04/2012 đến nay

Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến
Khoáng sản Lào Cai

- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác : Không có ;
- Số cổ phần sở hữu cá nhân : 1.500.000 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan : 70.000 cổ phần, chi tiết như sau :

STT	Họ tên	Quan hệ Với người khai	Số CMND	Số cổ phần nắm giữ (cp)
1	Phùng Thị Thủy	Vợ	012750803	10.000
2	Bùi Thái Linh	Con	012845987	10.000
3	Bùi Thị Hồng Nhung	Con	012750804	10.000
4	Bùi Văn Dũng	Em	164014629	10.000
5	Bùi Văn Hậu	Em	164014630	10.000
6	Bùi Hoàng Năm	Em	161867525	5.000
7	Bùi Văn Lệ	Em	160869311	5.000
8	Bùi Quốc Bình	Em	161905985	10.000

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

 **Bà: LƯU THỊ THANH MAI** - Ủy viên HĐQT

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 03/07/1960
- Chứng minh thư nhân dân : 013083214, ngày cấp: 26/04/2008 tại C.A Hà Nội.
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Nam Tân-Nam Trực-Nam Định
- Địa chỉ thường trú : 165-Đường Cầu Giấy -P.Dịch Vọng –TP Hà Nội
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân sư phạm
- Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ công tác	
Từ năm 1985 -1995	GV trường Đội Cán- Tp Thái Nguyên	
Từ năm 1995-2002	Chủ tịch HĐQT công ty TNHH khoáng sản Bắc Kạn	
Từ năm 2002 đến 2011	Thành viên góp vốn, nhân viên kinh doanh Công ty TNHH Gia Long	
Từ 01/2011 đến nay	Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai	
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác	: Không	
- Số cổ phần sở hữu cá nhân	: 800.000 cổ phần	
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan	: 65.000 cổ phần, chi tiết như sau :	
Họ tên người có liên quan	Quan hệ	Số cổ phần nắm giữ (cổ phần)
Nguyễn Quốc Việt	Con	40.000
Lưu Công Sơn	Anh	10.000
Lưu Công Thái	Anh	5.000
Lưu Công Cường	Em	10.000
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	: Không	
- Các khoản nợ đối với Công ty	: Không	
- Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không	
- Hành vi vi phạm Pháp luật	: Không	

Ông: VŨ ANH TUÂN - Ủy viên HĐQT

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 02/10/1963
- Chứng minh thư nhân dân : 090615973 cấp ngày: 05/01/2010 tại Thái Nguyên
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Yên Thế - Bắc Giang
- Địa chỉ thường trú : Tổ 12 , phường Trung Thành , Tp. Thái Nguyên
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Công nghiệp Thái Nguyên
- Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ công tác
--------------------	------------------

Từ năm 1993-1998	Sinh viên Đại học Công nghiệp Thái Nguyên
Từ năm 1991 – 2011	Trưởng phòng tổng hợp Công ty Cổ phần Cơ điện luyện kim
Từ 01/2011 - nay	Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai
– Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác : Giám đốc Công ty TNHH Tân Hiệp Phát – Số cổ phần sở hữu cá nhân : 211.840 cổ phần – Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan : 0 cổ phần – Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không – Các khoản nợ đối với Công ty : Không – Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không – Hành vi vi phạm Pháp luật : Không	
Ông : NGUYỄN KHẮC KIM - Ủy viên HĐQT	
– Giới tính	: Nam
– Ngày tháng năm sinh	: 10/12/1973
– Chứng minh thư nhân dân	: 011674624 cấp ngày 27/07/2009 tại CA Hà Nội
– Quốc tịch	: Việt Nam
– Dân tộc	: Kinh
– Quê quán	: Đình Bảng - Từ Sơn - Hà Bắc
– Địa chỉ thường trú	: P63-B6, Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội
– Trình độ văn hóa	: 12/12
– Quá trình công tác:	
Thời gian công tác	Chức vụ công tác
Từ năm 1995 - 2000	Công tác tại Viện Khoa học vật liệu, thuộc Trung tâm Khoa học tự nhiên và công nghệ quốc gia. Nghiên cứu viên lĩnh vực chế biến khoáng sản, dự án đầu tư và kinh tế khoáng sản
Từ năm 1997 - 2000	Học sau đại học và thạc sĩ tại Viện Công nghệ châu Á, Thái Lan và Đại học Leuven, vương quốc Bỉ
Từ năm 2000 – 2009	Công tác tại Trung tâm Năng suất Việt nam, thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn – Đo lường – Chất lượng. Chuyên gia tư vấn trưởng, chuyên gia đánh giá trưởng ISO9000, trưởng

	phòng tư vấn Phòng tin học và các giải pháp quản lý
Từ năm 2005 – 2009	Nghiên cứu sinh tiến sĩ tại Đại học Keio, Nhật bản
Từ năm 2009 - 2010	Công tác tại Viện Công nghệ châu Á tại Việt Nam. Điều phối viên, giảng viên chương trình Công nghệ thông tin và quản trị công nghiệp, Trường kỹ nghệ AIT
Từ năm 2010 đến nay	Công tác tại Công ty cổ phần chứng khoán Thăng Long. Chuyên gia phân tích đầu tư
Từ tháng 04/2012 – nay	Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác : Không;

- Số cổ phần sở hữu cá nhân : 1.000 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan : 1.000 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

 Ông: **PHẠM BÁ HUY** - Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 04/02/1984
- Chứng minh thư nhân dân : 168108970 ngày cấp: 06/12/2000 Nơi cấp: CA Hà Nam
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thanh Hải – Thanh Liêm – Hà Nam
- Địa chỉ thường trú : Thanh Hải – Thanh Liêm – Hà Nam
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Giao thông vận tải
- Quá trình công tác:

Thời gian công tác

Chức vụ công tác

2008 -06/2011

Công ty Cổ phần Vạn Xuân

10/06/2011 – 04/2012

Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai

04/2012 – nay

Ủy viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai

- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác : Không có
- Số cổ phần sở hữu : 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan : 0 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

12.2 Ban Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 06/04/2012	Tỷ lệ (%)
1	Phạm Bá Huy	Tổng Giám đốc	0	0%
2	Ngô Trường An	Phó Giám đốc	2.000	0,02%

 Ông: **NGÔ TRƯỜNG AN** - Phó Giám đốc

- Giới tính : Nam;
- Ngày tháng năm sinh : 07/02/1985
- Chứng minh thư nhân dân : 090783419 ngày cấp: 29/09/2005 tại Thái Nguyên
- Quốc tịch : Việt Nam ;
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xuân Tân – Xuân Trường – Nam Định
- Địa chỉ thường trú : 26, Lương Ngọc Quyến, Tp.Thái Nguyên, Thái Nguyên
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Sư phạm
- Quá trình công tác:

Thời gian công tác

Từ 2002 – 2007

Từ 2008- 01/2011

Từ tháng 01/2011 đến nay

Chức vụ công tác

Đại học Sư phạm Thái Nguyên

Nhân viên Công ty TNHH Gia Long

Phó giám đốc Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai

- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác : Không có
- Số cổ phần sở hữu : 2.000 cổ phần

- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan : 0 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

12.3 Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 06/04/2012	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Thị Mai Hương	Trưởng ban Kiểm soát	5.000	0,06%
2	Lê Văn Nam	Thành viên Ban Kiểm soát	5.000	0,06%
3	Nguyễn Hữu Việt	Thành viên Ban Kiểm soát	0	0%

Bà: **NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG** - Trưởng Ban kiểm soát

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 20/08/1984
- Chứng minh thư nhân dân : 135137573 cấp ngày: 26/03/2001 tại CA Vĩnh Phúc
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Nga Sơn – Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú : 13 ngõ 6 Trần Phú, Phúc Yên, Vĩnh Phúc
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế ; chứng chỉ kế toán tổng hợp do trường Đại học Kinh tế quốc dân cấp.

Quá trình công tác

Thời gian công tác

Từ năm 2006- nay

2011- nay

Chức vụ công tác

Công ty Chứng khoán Quốc tế Việt Nam

Trưởng ban Kiểm soát Công ty Cổ phần khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai

- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác : Chuyên viên CTCK Quốc tế Việt Nam
- Số cổ phần sở hữu : 5.000 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan : 0 cổ phần;
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không



- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

✚ Ông: **NGUYỄN HỮU VIỆT** - Thành viên Ban Kiểm soát

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 15/08/1987
- Chứng minh thư nhân dân : 060797728 ngày cấp: 15/02/2008 Nơi cấp: Yên Bái
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Tôn Hội – Đan Phượng – Hà Tây
- Địa chỉ thường trú : Tổ 13 - Thị trấn Yên Bình - Yên Bái
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cao đẳng Giao thông Vận Tải
- Quá trình công tác

Thời gian công tác

Chức vụ công tác

Từ 2010 - 2011

Kế toán viên của LCM

Từ năm 2011 – nay

Thành viên Ban Kiểm soát LCM

- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác : Không
- Số cổ phần sở hữu : 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan : 0 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

✚ Ông: **LÊ VĂN NAM** - Thành viên Ban Kiểm soát

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 10/07/1979
- Chứng minh thư nhân dân : 013226372 ngày cấp: 17/08/2009 Nơi cấp: CA Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Yên Thành – Nghệ An
- Địa chỉ thường trú : Đình Thôn – Mỹ Đình – Từ Liêm – Hà Nội
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Đại học Bách khoa
- Quá trình công tác

Thời gian công tác	Chức vụ công tác
Từ 2009 – 2011	Kỹ sư Công ty TNHH Hamagasu Việt Nam
Từ 2011 – nay	Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác : Không - Số cổ phần sở hữu : 5.000 cổ phần - Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan : 0 cổ phần; - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không - Các khoản nợ đối với Công ty : Không - Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không - Hành vi vi phạm Pháp luật : Không	

12.4 Kế toán trưởng

Bà: NGUYỄN THỊ HOA - Kế toán trưởng	
- Giới tính	: Nữ
- Ngày tháng năm sinh	: 30/09/1960
- Chứng minh thư nhân dân	: 063034972 ngày cấp: 21/11/2007 nơi cấp: Lào Cai.
- Quốc tịch	: Việt Nam
- Dân tộc	: Kinh
- Quê quán	: Xã Hạ Giáp-Huyện Phù Ninh –Tỉnh Phú Thọ
- Địa chỉ thường trú	: Đường K3-P.Phố Mới-TP Lào Cai
- Trình độ văn hóa	: 12/12
- Trình độ chuyên môn	: Trung cấp Kế toán
- Quá trình công tác	:

Thời gian công tác	Chức vụ công tác
Từ năm 1985 1988	Phòng tài vụ Trường CNKT Lâm Nghiệp 4
Từ năm 1988-1996	Làm việc tại gia đình
Từ năm 1996- 2002	Làm kế toán tại kho hàng Cty Thương Mại Việt Trung
Từ năm 2003 – 2011	Kế toán trưởng Công ty TNHH Gia Long (nay là Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai)
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác : Không có ; - Số cổ phần sở hữu : 10.000 cổ phần - Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan : 0 cổ phần - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không	

- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

13. Tài sản

Tài sản cố định tại ngày 30/06/2012

Đơn vị tính: VND

TT	Loại tài sản cố định	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	59.873.544.245	9.999.920.277	49.873.623.968
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	50.449.770.032	5.671.727.760	44.778.042.272
2	Máy móc thiết bị	8.240.077.635	3.144.495.939	5.095.581.696
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	1.040.295.578	1.040.295.578	0
4	Thiết bị quản lý	143.401.000	143.401.000	0
II	Tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-
III	Tài sản cố định vô hình	-	-	-
	Tổng Cộng	59.873.544.245	9.999.920.277	49.873.623.968

(Nguồn: Báo cáo tài chính Q2/2012 của LCM)

Danh mục tài sản cố định có giá trị trên 100 triệu đồng của LCM tại 30/06/2012

STT	Tên Tài sản cố định	Nguyên giá (VND)	Khấu hao lũy kế (VND)	Giá trị còn lại (VND)
I	Nhà cửa vật kiến trúc			
1.	Đường nước	866	596	270
2.	Xưởng tuyển khoáng	4.048	2.783	1.265
3.	Đường điện mỏ Bản Mế	705	485	220
4.	Đường điện mỏ Pắc Ta	630	276	354
II	Máy móc thiết bị			
1	M.súc b/xích (Z4I230)	1.944	1.423	521
2	Máy ủi	114	74	40
3	Máy nghiền đá HĐ bằng điện	139	58	81
III	Phương tiện vận tải truyền dẫn			
1	Xe ô tô tải tự đổ TQ	178	164	14
2	Ô tô PLCKUP	407	407	0
3	Ô tô tải tự đổ	342	192	150

(Nguồn: LCM)

Tình hình sử dụng đất đai đến 31/06/2012

TT	Địa điểm	Diện tích (m ²)	Thời hạn khai thác	Loại hình
1	Mỏ chì, kẽm thôn Na Pá 2 và Sín Chải 2, xã Bản Mế, huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai	90.000	10/2013	Cấp phép khai thác
2	Mỏ vàng Xã Pắc Ta, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu	260.000	Đang xin gia hạn	Cấp phép khai thác
3	Mỏ chì, kẽm Suối Thầu, xã Bản Sen, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai	132.000	2016	Cấp phép khai thác
4	Mỏ vàng tại Thung Chùa, xã Bắc Sơn, huyện Kim Bôi, bản Ngọc Lâm, xã Cao Răm, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình	492.800	2022	Cấp phép khai thác
5	Số nhà 045, đường Phan Đình Phùng, phường Phố Mới, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai	120	Thuê từ 2002, thời hạn 50 năm	Thuê

(Nguồn: LCM)

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức của Công ty từ năm 2012 và căn cứ để đạt được kế hoạch

14.1 Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2011 TH	Năm 2012 KH	
	Giá trị	Giá trị	% ± so với năm 2011
Vốn điều lệ	85.680	214.200	150,0%
Vốn chủ sở hữu	110.254	313.922	184,7%
Doanh thu thuần	44.577	288.000	546,1%
Lợi nhuận sau thuế	22.232	88.000	295,8%
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	49,9%	30,6%	
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	20,2%	28,0%	
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ	25,9%	41,1%	
Tỷ lệ cổ tức (%/mệnh giá)	15%	20%	

(Nguồn: LCM)

14.2 Căn cứ để đạt được kế hoạch nói trên

- Trữ lượng các mỏ chì, kẽm, vàng, ... của Công ty rất dồi dào, chất lượng quặng tốt, thời gian khai thác dài, một số đang trong thời gian xin gia hạn.
- Công ty huy động thêm vốn đầu tư trang thiết bị máy móc hiện đại phục vụ cho hoạt động sản xuất khai thác mỏ, do vậy năng suất và sản lượng nâng cao.
- Thị trường tiêu thụ ổn định các sản phẩm và dịch vụ của Công ty rất ổn định trên cả nước và xuất khẩu được ra các thị trường các nước lân cận.
- Đội ngũ CBCNV giàu kinh nghiệm, chuyên môn cao gắn bó với Công ty tạo nên một tập thể đoàn kết, giàu sức mạnh.

Hiện nay Công ty đang tiến hành thủ tục xin phép khai thác thêm một số mỏ vàng và kẽm tại khu vực Lai Châu. Đối với các mỏ đang khai thác, Công ty sẽ tiếp tục xin gia hạn vì đây là các mỏ có trữ lượng lớn và sản phẩm khai thác có giá trị về mặt kinh tế.

- Tính đến hết Quý 2/2012 Công ty đạt hơn 50 tỷ đồng doanh thu. Trong năm 2012, Công ty sẽ tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa hoạt động khai thác quặng vàng. Với đặc thù của ngành khai thác mỏ tập trung khai thác vào mùa khô nên lợi nhuận của doanh nghiệp tập trung chủ yếu vào Quý 3, Quý 4, hơn nữa Công ty thường quyết toán các đơn hàng vào cuối năm. Do vậy mục tiêu doanh thu, lợi nhuận đặt ra cho năm 2012 là có thể đạt được.
- Nền kinh tế thế giới và Việt Nam sau khủng hoảng sẽ bắt đầu bước vào một chu kỳ phát triển mới trong những năm tới, tạo ra những cơ hội lớn cho những doanh nghiệp có nội lực và năng động trong hoạt động sản xuất kinh doanh, và Công ty cũng không phải là ngoại lệ.
- Theo kế hoạch trên Công ty xây dựng kế hoạch sản lượng và dự kiến giá bán của từng nhóm sản phẩm trong năm 2012 như sau:

Sản phẩm	Sản lượng dự kiến khai thác	Giá bán dự kiến (triệu đồng)	Giá trị dự kiến (Triệu đồng)
Quặng và tinh quặng chì kẽm (tấn)	4.500	17	76.500
Quặng vàng và vàng tinh luyện (cây)	1.500	30	45.000
Đá xây dựng (tấn)	15.200	1,2	18.240
Doanh thu từ dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và kinh doanh quặng đồng và đồng phế liệu	8.472	17,5	148.260
Tổng doanh thu dự kiến			288.000

Với việc đầu tư nhà xưởng máy móc, nâng cao hiệu quả khai thác và chất lượng quặng tinh luyện, mức sản lượng và giá bán công ty dự kiến là hoàn toàn hợp lý và khả thi.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với vai trò của tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý về hoạt động kinh doanh

của Công ty cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai. Căn cứ trên năng lực hiện tại và triển vọng phát triển trong tương lai của Công ty, nếu không có những biến động ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của Công ty, VIS nhận thấy kế hoạch sản lượng và lợi nhuận của công ty đưa ra cho những năm tới là phù hợp với kế hoạch phát triển ngành cũng như tiềm năng phát triển của Công ty.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành

- Không có

17. Các thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán

- Không có

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

1. Loại chứng khoán : Cổ phiếu phổ thông
2. Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán : 12.852.000 cổ phiếu
4. Giá cổ phiếu chào bán : 10.000 đồng/cổ phiếu
5. Phương pháp tính giá

Giá trị sổ sách của Công ty là một trong những căn cứ kết hợp với các yếu tố khác để LCM đưa giá mức giá phù hợp để chào bán.

Giá trị sổ sách của Cổ phiếu LCM tại ngày 31/12/2011 như sau:

$$\text{Giá trị sổ sách cổ phiếu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}^*}{\text{Số cổ phần đang lưu hành}^{**}} = \frac{110.253.695.392}{8.568.000} = 12.868 \text{ đồng/cổ phần}$$

*: Vốn chủ sở hữu bao gồm phần lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2011

* *: Số lượng cổ phiếu lưu hành trong năm 2011 là 8.568.000 cổ phần do Công ty không phát hành thêm

Giá trị sổ sách của Cổ phiếu LCM tại ngày 30/06/2012 như sau:

$$\text{Giá trị sổ sách cổ phiếu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}^*}{\text{Số cổ phần đang lưu hành}^{**}} = \frac{139.214.307.309}{8.568.000} = 16.248 \text{ đồng/cổ phần}$$

*: Vốn chủ sở hữu bao gồm phần lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2011 và Quý 2/2012

* *: Số lượng cổ phiếu lưu hành tính đến 30/06/2012 là 8.568.000 cổ phần do Công ty chưa thực hiện đợt phát hành thêm nào.

Căn cứ vào giá trị sổ sách của Công ty và đồng thời để đảm bảo quyền lợi cho cổ đông hiện hữu, Đại hội đồng cổ đông của LCM quyết định mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu trong đợt phát hành là bằng mệnh giá (10.000 đồng/cổ phần).

6. Phương thức phân phối

- Đối với các cổ đông đã lưu ký chứng khoán: Phân phối trung gian là Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam – VSD
- Đối với các cổ đông chưa đăng ký lưu ký chứng khoán: Phân phối tại trụ sở công ty

7. Thời gian phân phối cổ phiếu

Trong thời gian 90 ngày kể từ ngày nhận được giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty dự kiến lịch trình phân phối cổ phiếu và niêm yết bổ xung số cổ phần trên Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh như sau:

Stt	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến thực hiện
1	Nhận giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng của UBCK NN	D
2	Công bố thông tin theo quy định	D + 3
3	Thông báo chốt danh sách cổ đông được thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm	D + 1 đến D + 7
4	Chuyển nhượng quyền mua	D + 10 đến D + 20
5	Đăng ký và nộp tiền mua cổ phần	D + 10 đến D + 30
6	Thực hiện bán và xử lý đối với số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không mua hết	D + 30 đến D + 40
7	Báo cáo kết quả phát hành và hoàn tất thủ tục niêm yết bổ xung	D + 40 đến D + 50
8	HOSE chấp thuận niêm yết bổ xung và chính thức giao dịch cổ phiếu trên HOSE	D + 50 đến D + 60

- Thời gian trên chỉ là dự tính, thời gian thực tế phụ thuộc vào quá trình thụ lý và xét duyệt hồ sơ của các cơ quan chức năng
- D là ngày nhận được giấy chứng nhận phát hành cổ phiếu ra công chúng của UBCK NN

8. Đăng ký mua cổ phiếu

-  Thời hạn đăng ký và nộp tiền mua cổ phần:

Kể từ thời điểm cổ đông hiện hữu nhận được thông quyền mua, cổ đông hiện hữu đăng ký và nộp tiền mua cổ phần trong thời hạn 20 ngày.

✚ Số lượng:

Chào bán cho cổ đông hiện hữu 12.852.000 cổ phần

✚ Phương thức thanh toán:

- Đối với cổ đông đã mở tài khoản và lưu ký tại thành viên lưu ký sẽ thực hiện chuyển tiền vào tài khoản của thành viên lưu ký nơi đăng ký mua
- Đối với cổ đông chưa lưu ký: Thanh toán trực tiếp vào tài khoản của LCM theo số 8802201008575 mở tại Ngân hàng Nông Nghiệp thành phố Lào Cai, chủ tài khoản Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai

✚ Chuyển giao cổ phần:

Trong vòng 30 ngày tổ chức phát hành có nghĩa vụ chuyển giao cổ phần cho người mua.

9. Phương thức thực hiện quyền

✚ Điều kiện thực hiện quyền:

Các cổ đông trong Danh sách người sở hữu chứng khoán chốt tại ngày đăng ký cuối cùng được phân bổ quyền mua.

✚ Thời gian thực hiện quyền:

Theo thời gian nêu trong lịch trình dự kiến.

✚ Tỷ lệ thực hiện quyền:

Theo tỷ lệ 1:1,5 trong đó mỗi cổ đông sở hữu 1 cổ phần sẽ được 1 quyền mua, mỗi 01 quyền mua sẽ được mua 1,5 cổ phần phát hành thêm.

✚ Phương pháp xử lý đối với trường hợp không thực hiện được quyền:

Tổng số cổ phần mà cổ đông được quyền mua trong đợt phát hành sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị (phần cổ phiếu lẻ dưới 01 sẽ được làm tròn xuống bằng 0).

Đối với cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn (nếu có) và cổ phiếu còn thừa do cổ đông hiện hữu từ chối mua một phần hoặc toàn bộ trong đợt phát hành: Hội đồng quản trị sẽ thực hiện phân phối số cổ phiếu này cho các đối tượng khác mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp với giá bán không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu và đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

Trong trường hợp hết thời hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn, nếu có), nếu vẫn còn cổ phần chưa được phân phối hết thì số cổ phần chưa phân phối hết này được hủy phát hành.

Các điều khoản khác có liên quan:

- + Người sở hữu quyền mua có quyền từ chối mua một phần hoặc toàn bộ số cổ phần chào bán kèm theo quyền mua hoặc được tự do chuyển nhượng quyền mua của mình cho người khác và chỉ được chuyển nhượng một lần (người nhận chuyển nhượng quyền mua thì không được chuyển nhượng cho người thứ 3) trong thời gian thực hiện quyền.
- + Kết thúc thời gian thực hiện quyền, nếu quyền mua không được thực hiện một phần hoặc toàn bộ, tất cả các quyền lợi liên quan đến quyền mua sẽ đương nhiên chấm dứt và tổ chức phát hành không phải thanh toán cho người sở hữu quyền mua bất cứ một khoản chi phí nào, cũng như không chịu bất cứ trách nhiệm nào trong việc không thực hiện quyền mua của cổ đông.

10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Căn cứ theo Quyết định số: 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam, các tổ chức, cá nhân nước ngoài được nắm giữ tối đa 49% tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty. Tại danh sách cổ đông hiện hữu ngày 06/04/2012 của LCM do Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp, tỷ lệ sở hữu của cổ đông nước ngoài của LCM là 0,11%.

Đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ lên 214,2 tỷ đồng này, Công ty phát hành cho các cổ đông hiện hữu. Tại thời điểm chốt danh sách nhà đầu tư mua trong đợt phát hành để phân bổ quyền, Công ty sẽ kiểm tra tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài để đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

Số lượng cổ phần phát hành thêm của LCM là cổ phiếu phổ thông tự do chuyển nhượng.

12. Các loại thuế có liên quan

Thuế thu nhập doanh nghiệp: Theo Quyết định số 161/CT/TT&HT ngày 28/01/2011 của Cục Thuế tỉnh Lào Cai, Công ty được áp dụng thuế suất 20% trong thời gian 10 năm, kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh, được miễn 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong thời hạn 06 năm tiếp theo. Theo Quyết định này, LCM được miễn thuế cho năm 2007 và 2008; từ năm 2009 - 2014: LCM được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10%; từ năm 2015 -2017, thuế suất này sẽ là 20%. Hiện tại theo quy định tại Quyết định số 04/2012/QĐ-TTg về việc gia hạn nộp thuế TNDN thêm 3 tháng đối với số thuế TNDN phải nộp trong Quý 1 và Quý 2 năm 2012.

Thuế GTGT: Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế Tài nguyên và Phí bảo vệ môi trường: Công ty nộp thuế tài nguyên và phí bảo vệ môi trường hàng quý theo quy định của Nhà nước.

13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa cổ phiếu

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa số 8802201008575 của Công ty cổ phần Khai thác và Chế biến khoáng sản Lào Cai mở tại Ngân hàng Nông nghiệp thành phố Lào Cai.

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

LCM tăng vốn từ 85.680.000.000 đồng lên 214.200.000.000 đồng là cần thiết và có ý nghĩa quan trọng nhằm mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, góp vốn hợp tác với các đối tác chiến lược tận dụng tối đa năng lực khai thác, tăng năng suất và nâng cao chất lượng sản phẩm đầu ra. Công ty dự kiến sau khi đầu tư sản lượng quặng vàng sẽ tăng đáng kể và chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu sản phẩm của Công ty.

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Tổng giá trị cổ phần tính theo mệnh giá thu được từ đợt phát hành dự kiến là 128.520.000.000 VND (trường hợp phân phối hết toàn bộ số cổ phần chào bán).

Số tiền thực tế thu được từ đợt phát hành sẽ được sử dụng cho các mục đích sau:

- Xây dựng nhà xưởng và đầu tư máy móc thiết bị phục vụ khai thác mỏ vàng tại Xóm Ngọc Lâm, xã Cao Răm, Lương Sơn, Hòa Bình. Mức đầu tư cho dự án là: 80.000.000.000 đồng. Đây là dự án khai thác mỏ vàng LCM hợp tác thực hiện cùng Công ty TNHH Gia Long Hòa Bình theo đó Công ty TNHH Gia Long Hòa Bình được Ủy Ban Nhân dân tỉnh Hòa Bình cấp phép khai thác mỏ vàng tại Xóm Ngọc Lâm, xã Cao Răm, Lương Sơn, Hòa Bình theo Giấy phép khai thác số 80/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2009
 - + Diện tích khai thác: 49,28 ha;
 - + Công suất khai thác : 18.000 tấn quặng/ năm;
 - + Thời hạn cấp phép: 13 năm, tính từ ngày 12 tháng 11 năm 2009.
- Đầu tư mua thêm máy móc thiết bị phục vụ khai thác mỏ chì kẽm tại Thôn Na Pả 2 và thôn Sín Chải 2, xã Bản Mế, huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai. Mức đầu tư cho dự án là: 20.000.000.000 đồng. Đây là mỏ chì kẽm mà Công ty được Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc UBND tỉnh Lào Cai cấp Giấy phép khai thác số 3051/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2006.
 - + Diện tích khai thác: 09 ha;
 - + Công suất khai thác dự tính: 10.000 m³/ năm.
 - + Thời hạn khai thác: đến hết tháng 10/2013
- Đầu tư mua thêm máy móc thiết bị phục vụ khai thác mỏ vàng tại Pắc Ta, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu. Mức đầu tư cho dự án là: 10.000.000.000 đồng.
- Số tiền còn lại là 18.520.000.000 đồng sẽ được bổ sung vào vốn lưu động của Công ty.

Chi tiết như sau:

Đơn vị: triệu đồng

TT	Khoản mục	Giá trị vốn đầu tư (sử dụng vốn huy động từ đợt phát hành)
1	Xây dựng nhà xưởng và đầu tư máy móc thiết bị phục vụ khai thác mỏ vàng tại Xóm Ngọc Lâm, xã Cao Răm, Lương Sơn, Hòa Bình	80.000
1.1	Các hạng mục công trình mặt bằng	32.830
1.2	Chi phí xây dựng công trình tạm để ở và điều hành thi công	170
1.3	Chi phí thiết bị	47.000
2	Đầu tư mua thêm máy móc thiết bị phục vụ khai thác mỏ chì kẽm tại Thôn Na Pá 2 và thôn Sín Chải 2, xã Bản Mế, huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai	20.000
2.1	Chi phí thiết bị: Máy xúc Hitachi, máy xúc lật, máy ủi, ô tô tải, máy khoan,...	7.000
2.2	Đào đường lò	5.000
2.3	Máy móc, thiết bị để nâng công suất xưởng tuyển	8.000
3	Đầu tư mua thêm máy móc thiết bị phục vụ khai thác mỏ vàng tại Pắc Ta, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu	10.000
3.1	Máy khoan nổ	1.000
3.2	Đầu tư nâng cấp cơ sở chế biến: Máy khuấy, máy nghiền, máy tuyển,...	9.000
4	Bổ sung vốn lưu động	18.520
	Tổng cộng	128.520

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN KRESTON ACA VIỆT NAM

- Địa chỉ : P1504, Tòa nhà 17T7, Trung Hòa Nhân Chính, Hà Nội
- ĐT : (84)-(04) 2811488 Fax : (84)-(04) 2811499

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

- Tầng 3, số 59 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại: (84-4) 3944 5888 Fax : (84-4) 3944 5889



**CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM TẠI
TP. HỒ CHÍ MINH**

- Số 9, Nguyễn Công Trứ, Q1, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84-8) 39302320 Fax : (84-8) 39302325

IX. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I : Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
2. Phụ lục II : Điều lệ công ty
3. Phụ lục IV : Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2010 và năm 2011 và Báo cáo tài chính Q1/2012
4. Phụ lục V : Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2012 thông qua việc phát hành thêm cổ phần
5. Phụ lục VI : Sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc & Kế toán trưởng
6. Các phụ lục khác đính kèm



CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN LÀO CAI

Lào Cai, ngày tháng năm 2012

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỔNG GIÁM ĐỐC

BÙI ĐỨC THANH

PHẠM BÁ HUY

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG

NGUYỄN THỊ HOA

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN ANH TUẤN